



# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG ĐẠI TRƯỜNG THÀNH HOLDINGS

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313939535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/07/2020)*

Địa chỉ : Biệt thự CPV 5-41, Vinhomes Central Park (khu Tân Cảng), 720A  
Điện Biên Phủ Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 0906578677 Fax: 028 7308 2939

Website : <http://www.dttholdings.com.vn/>

### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: **LÊ XUÂN THANH**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0935 463 235

*TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG ĐẠI TRƯỜNG THÀNH  
HOLDINGS**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313939535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/07/2020)*

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU  
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	<b>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings</b>
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng đăng ký giao dịch:</b>	50.725.887 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị đăng ký giao dịch theo mệnh giá:</b>	507.258.870.000 đồng

## **CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

Công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings
DTT Holdings	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings
Tổ chức đăng ký	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGĐ	Ban Tổng giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CTCP	Công ty cổ phần
CP	Cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
NM	Nhà máy
NMĐ	Nhà máy điện
BDS	Bất động sản
EVN	Tập đoàn điện lực Việt Nam
MW	Công suất phát điện, trong đó 1MW = 1,000,000W
kWh	Công suất tiêu thụ điện trong 1 giờ
Tán Phát	Công ty Cổ phần Tán Phát
MVC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam

## MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	7
1.1. Giới thiệu chung về Công ty .....	7
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	8
1.3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....	8
1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	30
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	30
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ.....	31
4.3. Cơ cấu cổ đông .....	31
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký công ty đại chúng, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đại chúng. ....	32
5.1. Công ty mẹ.....	32
5.2. Công ty do DTT Holdings nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	32
5.3. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với DTT Holdings .....	54
5.4. Công ty liên doanh, liên kết.....	54
6. Hoạt động kinh doanh.....	54
6.1. Hoạt động kinh doanh sản xuất và bán điện thương phẩm. ....	54
6.2. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công trình .....	55
6.3. Hoạt động tư vấn thiết kế, dịch vụ thương mại.....	55
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	55
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	55
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	57
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	58
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	58
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	59

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	62
9. Chính sách đối với người lao động.....	62
9.1. Số lượng và cơ cấu lao động.....	62
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	63
10. Chính sách cổ tức.....	64
11. Tình hình tài chính.....	64
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	64
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	83
12. Tài sản .....	83
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	85
13.1.Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2020 – 2021.....	85
13.2.Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	86
13.3.Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT thông qua	87
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký.....	88
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	88
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	89
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>90</b>
1. Hội đồng quản trị.....	90
2. Ban Kiểm soát.....	101
3. Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	104
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty .....	107


**MỤC LỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của DTT Holdings.....	10
Bảng 2: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty .....	20
Bảng 3: Danh sách Thành viên Ban kiểm soát của Công ty.....	20
Bảng 4: Danh sách Thành viên Ban Giám đốc của công ty.....	20
Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	31
Bảng 6: Danh sách cổ đông sáng lập .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông DTT Holdings .....	31
Bảng 8: D/s Công ty do DTT Holdings nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	32
Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tấn Phát.....	36
Bảng 10: Danh sách các nhà máy thủy điện Tấn Phát đầu tư.....	38
Bảng 11: Danh sách các Hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện mà CTCP Tấn Phát thực hiện trong giai đoạn 01/01/2018-31/12/2019.....	39
Bảng 12: Danh sách các dự án điện gió đang nghiên cứu, đánh giá tiềm năng.....	43
Bảng 13: Danh sách năng lực thiết bị máy móc của Tấn Phát .....	45
Bảng 14: Nhà máy thủy điện Thượng Nhật tại thời điểm 30/06/2020. ....	52
Bảng 15: Các thông số Nhà máy thủy điện Thượng Nhật tại thời điểm 30/06/2020 .....	53
Bảng 16: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh MVC .....	53
Bảng 17: Doanh thu đóng góp của các nhà máy thủy điện.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 18: Cơ cấu doanh thu thuần và doanh thu tài chính .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty DTT Holding (Công ty mẹ).....	55
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty DTT Holding (Hợp nhất).....	56
Bảng 21: So sánh một số doanh nghiệp thủy điện đã niêm yết/giao dịch trên thị trường UpCOM .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Bảng 22: Các khoản phải nộp theo quy định (Hợp nhất).....	66
Bảng 23: Vay và nợ thuê tài chính (Hợp nhất) .....	67
Bảng 25: Các khoản phải thu (Hợp nhất) .....	79
Bảng 26: Các khoản phải trả (Hợp nhất) .....	80
Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	83
Bảng 28: Tài sản cố định hữu hình/ vô hình của công ty (Hợp nhất).....	83
Bảng 29: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2020-2021 .....	85
Bảng 30: Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 2020-2022 .....	88

## **I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

#### **1.1. Giới thiệu chung về Công ty**

Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings
Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings
Tên tiếng Anh:	Dai Truong Thanh Holdings Energy Investment Joint Stock Company
Tên viết tắt:	DTT Holdings
Trụ sở:	Biệt thự CPV 5-41, Vinhomes Central Park (khu Tân Cảng), 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký:	507.258.870.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	507.258.870.000 đồng
Điện thoại:	0906578677
Fax:	028 7308 2939
Website:	<a href="http://www.dttholdings.com.vn/">http://www.dttholdings.com.vn/</a>
Logo:	 DTT HOLDINGS
Người đại diện pháp luật:	Ông <b>Lê Văn Khoa</b> – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ngày trở thành công ty đại chúng:	10/12/2020
Giấy đăng ký kinh doanh:	Số 0313939535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/07/2020
Ngành nghề kinh doanh của Công ty:	Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải, phân phối điện (gọi tắt là bán điện thương phẩm).



## **1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch**

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: DTE
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 50.725.887 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty hoặc của tổ chức ĐKGD: 0 cổ phiếu.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 01/12/2020, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ.

## **1.3. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Ngày 29/07/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trường Thành được thành lập với vốn điều lệ 6.780.000.000 đồng, đây là tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings.

Ngày 22/11/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trường Thành được đổi tên thành Công ty Cổ phần RES HOLDINGS.

Ngày 26/12/2019, Công ty Cổ phần RES HOLDINGS tăng vốn lên 384.056.400.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Tấn Phát và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings.

Ngày 24/04/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings tăng vốn lên 507.258.870.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu để đầu tư vào Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam.

Từ năm 2019 đến nay, Công ty đã đầu tư vào 2 công ty con để thực hiện các chức năng: Sản xuất và bán điện thành phẩm, kinh doanh trong lĩnh vực công trình, dịch vụ thương mại.

Cụ thể việc đầu tư vào 02 công ty con như sau:

+ Năm 2019, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tấn Phát, nắm giữ 89,59% vốn điều lệ. Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, truyền tải, phân phối điện và thi công các công

trình thủy điện. Công ty Cổ phần Tấn Phát được thành lập năm 2000 với lĩnh vực kinh doanh chính là đầu tư thủy điện. Trong suốt 20 năm hình thành và phát triển trong lĩnh vực thi công xây dựng, đầu tư vào các công trình thủy điện. Cụ thể Tấn Phát đã tham gia thực hiện xây dựng các công trình thủy điện như Đăk Grét, Plei Kần, Thượng Nhật, Đăk Ne, Đăk Pia, Đăk Bla 1, Đăk Xú, Tà Vi, trực tiếp đầu tư và hiện là chủ sở hữu của Nhà máy Thủy điện Đăk Grét, Nhà máy Thủy điện Plei Kần.

+ Năm 2020, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam, nắm giữ 95,96% vốn điều lệ. Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam (MVC) thành lập năm 2007 với lĩnh vực kinh doanh chính là đầu tư thủy điện. Công ty khởi công dự án nhà máy thủy điện Thượng Nhật vào năm 2008, tuy nhiên do suy thoái kinh tế nên việc thi công bị đình trệ đến năm 2016 mới tái khởi công trở lại với Nhà thầu xây dựng mới là Công ty Cổ phần Tấn Phát. Nhà máy thủy điện Thượng Nhật mới đi vào phát điện vào tháng 5/2020.

Nhằm mục đích cải thiện tình hình kinh doanh bằng cách tối ưu hóa chi phí và quản lý tập trung khi mà cả Tấn Phát và MVC đều có chung ngành nghề hoạt động là đầu tư vận hành thủy điện, cổ đông của Tấn Phát và MVC đã họp, thảo luận và đi đến thống nhất về mô hình hoạt động của công ty, hai công ty sẽ hợp nhất và hoạt động theo mô hình Holdings Công ty mẹ - công ty con. Để thuận tiện cho hoạt động của Holdings trong tương lai, với tầm nhìn trở thành một Tập đoàn minh bạch và đa ngành, đầu tư vào 4 lĩnh vực chính (1) Đầu tư thủy điện, (2) Điện gió, (3) Khai thác chế biến khoáng sản và (4) Thi công xây dựng; Cổ đông của Tấn Phát và MVC đã thống nhất chọn Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings (DTT Holdings) làm công ty mẹ trong mô hình holdings.

Ngày 10/12/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holding được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 7263/UBCKNN-GSĐC.

Đến thời điểm 30/06/2020, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy thủy điện với tổng công suất thiết kế 31,6 MW thông qua 2 công ty con là Công ty Cổ phần Tấn Phát (Tấn Phát) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam (MVC). Tấn Phát là chủ đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Grét và Nhà máy thủy điện Plei Kần; MVC là chủ đầu tư nhà máy thủy điện Thượng Nhật. Trong 3 nhà máy này thì Đăk Grét và Thượng Nhật đã phát điện lần lượt vào tháng 10/2015 và 05/2020, Plei Kần đang ở giai đoạn hoàn thiện và dự kiến phát điện vào tháng 2/2021.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313939535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 13/07/2020 với số vốn điều lệ là 507.258.870.000 đồng.

**1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

**Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của DTT Holdings**

Lần	Thời gian tăng vốn	VĐL trước tăng vốn (nghìn đồng)	VĐL tăng thêm (nghìn đồng)	VĐL sau tăng vốn (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	12/2019	6.780.000	377.276.400	384.056.400	<p>Phát hành cho cổ đông hiện hữu;</p> <p>Giá trị cổ phần phát hành (tính theo mệnh giá): 377.276.400.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị vốn góp bằng tài sản: 317.847.660.000 đồng (Ba trăm mười bảy tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)</li> <li>- Giá trị bằng tiền mặt: 59.428.740.000 đồng (Năm mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/12/2019 và Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/12/2019 thông qua việc đầu tư vào Công ty CP Tấn Phát bằng hình thức nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông Nguyễn Ngọc Tường;</li> <li>- Nghị quyết số 61/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings ngày 06/01/2020.</li> <li>- Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2020/NQ-ĐHĐCĐ của DTT Holdings ngày 9/1/2020.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313939535 do Sở Kế hạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2019.</li> <li>- Chứng thư thẩm định giá số 1464/19/CT.SACC về việc thẩm định giá trị mỗi cổ phần Công ty Cổ phần Tấn Phát do Công ty Cổ phần tư vấn &amp; thẩm định giá Đông Nam cấp ngày 20/12/2019.</li> </ul>

2	04/2020	384.05 6.400	123.20 2.470	507.25 8.870	<p>Phát hành cho cổ đông hiện hữu;</p> <p>Giá trị cổ phần phát hành (tính theo mệnh giá): 123.202.470.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ, hai trăm linh hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị vốn góp bằng tài sản: 119.702.470.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ, bảy trăm linh hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)</li> <li>- Giá trị bằng tiền mặt: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 63/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings ngày 03/03/2020.</li> <li>- Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 65/2020/NQ-ĐHĐCĐ của DTT Holdings ngày 12/3/2020.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313939535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2020.</li> <li>- Chứng thư thẩm định giá số 1465/19/CT.SACC về việc thẩm định giá trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam do Công ty cổ phần tư vấn &amp; thẩm định giá Đông Nam cấp ngày 20/12/2019.</li> </ul>
---	---------	-----------------	-----------------	-----------------	--	--

*Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings*

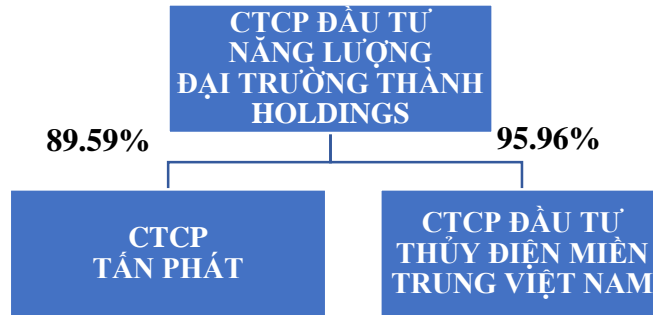
## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành một hệ thống quy chế quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban theo quy định của pháp luật.

DTT Holdings được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, các cơ quan quan trọng bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Các Phòng/ Ban/ Đơn vị thuộc Ban Tổng giám đốc

Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về 2 công ty con vui lòng xem tại mục Danh sách công ty do DTT Holdings nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.



**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm một lần họp. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định như cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản công ty, quyết định các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, quyết định số tiền cổ tức hàng năm sẽ được công ty chi trả, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, và một số quyền khác quy định tại điều lệ của công ty. Cụ thể như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản hoặc giao dịch mua có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
  - m. Công ty quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **❖ Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Vai trò của HDQT là xác định các chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Quyết định Cơ cấu tổ chức của HDQT, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác tại công ty con thông qua việc thực hiện quyền của người Đại diện quản lý cổ phần/phần vốn góp tại Công ty con;
  - h. Quyết định việc phân công nhiệm vụ đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác trong Công ty, tại các Công ty con;



- i. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
  - j. Quyết định đầu tư kinh doanh các lĩnh vực bao gồm: Bất động sản; dịch vụ tài chính; Nhà hàng và khách sạn với giá trị đầu tư đến 2.000 tỷ đồng (Hai nghìn tỷ đồng).
  - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
  - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - o. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - r. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - s. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - t. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm nghìn (5.000) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;



- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

#### **❖ Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp

được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

#### **❖ Ban Tổng giám đốc**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

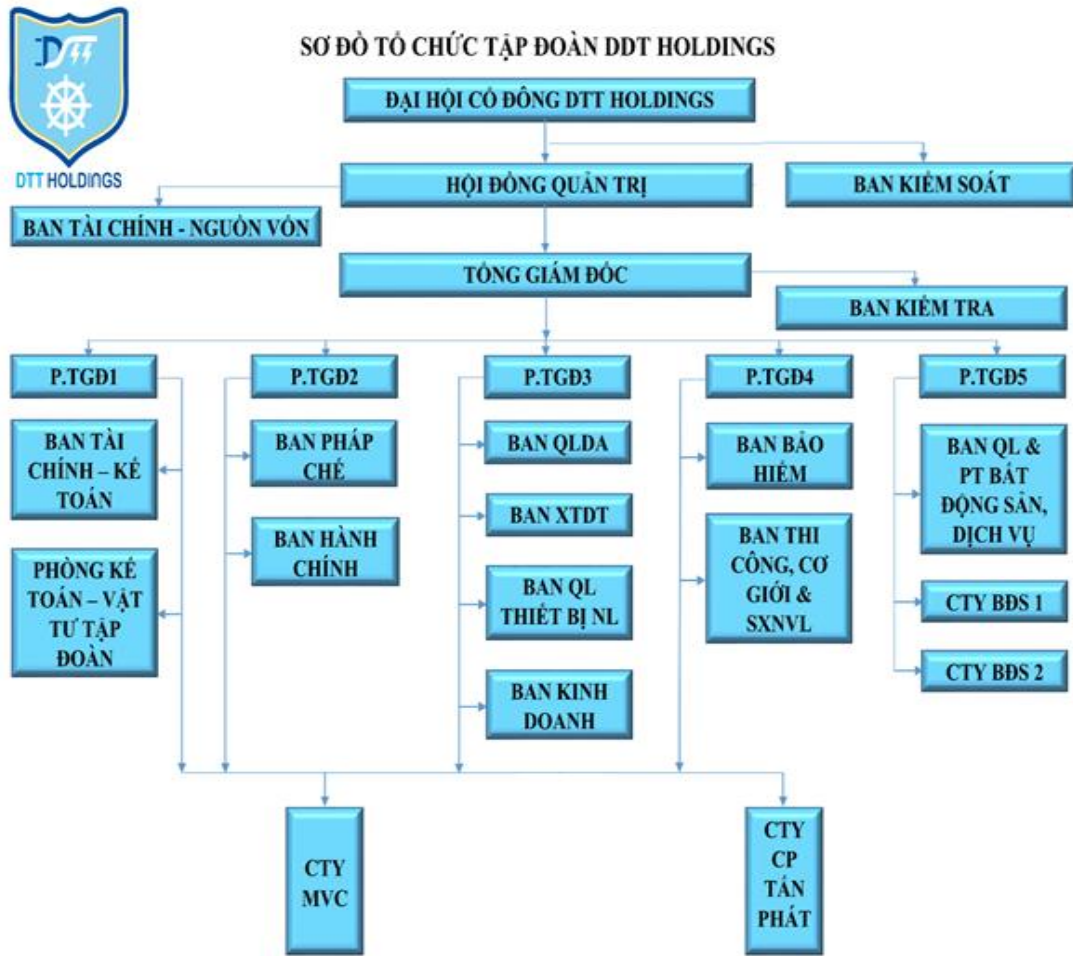
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động

kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



*Nguồn: DTT Holdings*

**Hội đồng quản trị (HDQT)**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay là 9 người, gồm 4 thành viên điều hành và 5 thành viên không điều hành.

Cơ cấu HDQT hiện nay của Công ty như sau:

**Bảng 2: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/không điều hành
1	Nguyễn Ngọc Tường	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	Không điều hành
3	Lê Văn Khoa	Thành viên	Điều hành
4	Nguyễn Văn Quân	Thành viên	Không điều hành
5	Lê Hồ Hoàng Hà	Thành viên	Điều hành
6	Lê Xuân Thanh	Thành viên	Điều hành
7	Phạm Văn Lợi	Thành viên	Điều hành
8	Lê Thị Hoài	Thành viên	Không điều hành
9	Đỗ Thị Bích Huyền	Thành viên	Không điều hành

**Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, gồm một Trưởng ban và hai thành viên.

Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay của Công ty như sau:

**Bảng 3: Danh sách Thành viên Ban kiểm soát của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Duy Phước	Trưởng Ban
2	Đỗ Đăng Dư	Thành viên
3	Dương Thị Kim Cúc	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm 6 thành viên, trong đó gồm một thành viên giữ chức vụ Tổng giám đốc, 4 thành viên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách các phòng ban chức năng và một người giữ chức vị Kế toán trưởng.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện nay của Công ty như sau:

**Bảng 4: Danh sách Thành viên Ban Giám đốc của công ty**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Khoa	Tổng giám đốc
2	Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
4	Lê Hồ Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Nữ Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Thị Thu Phương	Kế toán trưởng

**❖ Các Phòng/ Ban/ Đơn vị chức năng**

Khối các phòng ban chức năng là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện các công việc của một lĩnh vực nghiệp vụ trong toàn hệ thống Công ty. Lĩnh vực nghiệp vụ được hiểu là những tiêu chuẩn tổng hợp từ quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của Công ty.

Công ty gồm các phòng ban chức năng sau:

1. Ban Hành chính nhân sự
2. Ban Tài chính
3. Ban Kế toán
4. Ban Kế hoạch vật tư
5. Ban Quản lý điều hành thi công
6. Ban Kinh doanh – Kỹ thuật điện
7. Ban Pháp chế
8. Ban Quản lý dự án
9. Ban Chỉ huy công trình
10. Ban Xúc tiến đầu tư

**Mô tả chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

**Ban Hành chính nhân sự (HCNS)**

Ban HCNS có chức năng giúp Ban Tổng giám đốc công ty quản lý và tổ chức thực hiện trong công tác Quản trị hành chính nhân sự (tuyển dụng – đào tạo - Lao động tiền lương - Hành chính). Quảng bá thương hiệu Công ty, thiết lập, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục các hệ thống quản lý chất lượng và công tác y tế, thi đua khen thưởng, kỷ luật, kiểm tra, bảo vệ, theo đúng nội qui của Công ty và qui định, pháp luật của Nhà nước. Các nhiệm vụ chính cụ thể như sau:

- Nhân sự
  - + Công tác Nhân sự
  - + Công tác lao động tiền lương
  - + Tuyển dụng
  - + Quy trình đào tạo
  - + Khen thưởng, kỷ luật
  - + Chính sách, chế độ
  - + Bảo hiểm (Bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)

- Hành Chính Văn Phòng
  - + Công tác quản lý TS - CCDC
    - o Tài Sản bao gồm TS Hữu Hình và TS Vô Hình
    - o Công cụ dụng cụ
    - o Quy trình thực hiện mua sắm, sử dụng và quản lý TS – CCDC
    - o Quy trình điều xe và sử dụng xe
  - + Công tác Văn thư lưu trữ
  - + Lễ tân, khánh tiết
  - + An toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm
  - + Công tác đối nội, đối ngoại
  - + Phòng cháy chữa cháy
- Xây dựng bộ máy tổ chức Công ty và đề xuất việc bố trí, điều động, phân công nhân sự cho các phòng ban, đơn vị thuộc Công ty phù hợp và đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển kinh doanh của Công ty.
- Quản lý hồ sơ cán bộ nhân viên toàn Công ty, giải quyết thủ tục và chế độ chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự, lao động, tiền lương (tuyển dụng, hợp đồng lao động, nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động, thi đua khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu)
- Xây dựng quy hoạch cán bộ để phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng trình độ cấp bậc kỹ thuật.
- Rà soát và kiểm tra thực hiện các chế độ, các chính sách xã hội và chính sách khác đối với người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, khen thưởng, kỷ luật.

### **Ban tài chính**

Tham mưu Hội đồng quản trị về lĩnh vực liên quan đến các nguồn thu, chi tài chính của công ty, phản ánh dòng vốn từ các nguồn của công ty có hiệu quả. Thực hiện một số chức năng khác khi được HĐQT giao. Các nhiệm vụ chính cụ thể như sau:

- Phối hợp với Phòng tài chính - Kế toán quản lý hoạt động tài chính trong toàn Công ty.
- Theo dõi và chi theo kế hoạch tài chính tháng, quý, năm được duyệt, đồng thời định kỳ báo cáo tháng hoặc báo cáo theo yêu cầu của HĐQT về tình hình tài chính của Công ty.
- Theo dõi và cấp kinh phí theo kế hoạch tài chính đã được duyệt, báo cáo HĐQT về tình hình sử dụng vốn và đề xuất biện pháp điều chỉnh chi phí chi cho hợp lý theo tình hình thực tế.
- Phối hợp với Phòng tài chính – Kế toán Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục kế toán trước khi trình HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp với Phòng Kế toán phổ biến, hướng dẫn các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc thủ tục tạm ứng, hoàn ứng, thủ tục thanh toán và các thủ tục tài chính khác theo Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
- Tổng hợp, đối chiếu với Phòng tài chính kế toán tình hình thực hiện các nguồn thu các công trình, dự án, ngân hàng, bảo hiểm, hoàn thuế, công ty theo định kỳ ngày, tháng, quý, năm.



- Tổng hợp, đối chiếu với Phòng tài chính kế toán tình hình tình hình cấp kinh phí cho các công trình, dự án, công ty theo định kỳ ngày, tháng, quý, năm.
- Theo dõi tất cả các nguồn thu công ty: Thu từ ngân hàng giải ngân dự án, thu từ các công trình, thu từ nguồn vay, thu vay trung hạn mua xe, thu tiền điện các nhà máy, thu tiền hoàn thuế, thu bảo hiểm (Công trình, dự án, nhà máy), thu từ các công trình nhập trả quỹ BTC, thu các cá nhân tiếp khách hoàn trả BTC, thu khác kịp thời, đầy đủ và chính xác.
- Phản ánh kịp thời các nguồn thu từ công trình, dự án, Công ty, cá nhân tiếp khách nhập trả lại quỹ và tham mưu HĐQT để phân bổ các khoản thu đó vào các khoản chi đúng thời điểm, đúng mục đích.
- Quản lý nguồn tiền của Công ty đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước công ty và HĐQT về nguồn tiền mặt tại Kho quỹ.
- Đảm bảo nguồn tiền tại Kho quỹ luôn luôn khớp với báo cáo Sổ quỹ tiền mặt hàng ngày, nếu có chênh lệch phải báo cáo HĐQT (Như đã chi tạm ứng trước cho Ban tổng giám đốc khi cần thiết nhưng HĐQT chưa duyệt, chi cho Phòng vật tư ứng trước để chi các khoản chi cần thiết, cấp bách trong khi chờ đợi HĐQT phê duyệt).
- Thực hiện giao dịch thu, chi tiền mặt; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn quỹ tại Công ty.
- Thực hiện kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản thu, chi đã được duyệt theo kế hoạch.
- Khi cần thiết có thể tham gia với các phòng ban liên quan để quyết toán các chi phí công trình để thiết lập nguồn vốn mới.
- Có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với HĐQT khoản chi không đúng, không đủ điều kiện, không hợp lý để chi.
- Có quyền từ chối các khoản chi không nằm trong kế hoạch được phê duyệt – yêu cầu các bộ phận liên quan làm báo cáo xin phê duyệt chi phí phát sinh.
- Có trách nhiệm quản lý ngân quỹ Công ty đúng mục đích, đúng theo tinh thần trách nhiệm và sự tin tưởng của HĐQT giao.

### **Ban kế toán**

Ban kế toán có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Lập báo cáo tài chính
- Quản trị nội bộ
- Báo cáo Thuế
- Kế toán Ngân Hàng
- Kế toán thanh toán, Công nợ, Lương và các khoản trích, chi phí quản lý DN
- Kế toán vật tư, TSCĐ
- Kế toán trưởng có trách nhiệm quản lý chung, kiểm soát mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán, nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty, tham mưu cho ban Tổng giám đốc ra các quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty.



- Tổ chức công tác quản lý và điều hành Phòng TCKT, thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực nghiệp vụ, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm thuộc Phòng TCKT.
- Tổ chức công tác tài chính kế toán và bộ máy nhân sự theo yêu cầu đổi mới phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát và giám sát toàn bộ công việc của Phòng để kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ của Phòng, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực làm việc của từng nhân viên để khen thưởng, động viên hoặc kỷ luật kịp thời.
- Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của Phòng TC-KT cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty; tiếp nhận, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời các chỉ thị của Ban Tổng Giám Đốc.
- Phó trưởng phòng:
  - Báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của Phòng TC-KT cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty; tiếp nhận, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời các chỉ thị của Ban Tổng Giám Đốc.
  - Kiểm tra, kiểm soát và giám sát toàn bộ công việc của Phòng để kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ của phòng, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực làm việc của từng nhân viên để khen thưởng, động viên hoặc kỷ luật kịp thời.
  - Báo cáo, xác nhận số liệu từ các phòng ban theo chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
  - Theo dõi, lập Báo cáo quản trị các khối.
  - Thực hiện các công việc khác trong phạm vi Phòng kế toán dưới sự phân công, sắp xếp của Trưởng phòng.

### **Phòng kế hoạch – vật tư**

Phòng kế hoạch – vật tư là bộ phận tham mưu và giúp việc cho lãnh đạo Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành công tác cung ứng, quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng các công trình của Công ty.

#### **Bộ phận mua sắm, giao nhận vật tư:**

- Theo dõi đề xuất vật tư hàng ngày từ các bộ phận, công trình mình phụ trách.
- Lấy báo giá, lựa chọn nhà cung cấp theo các tiêu chí phù hợp với yêu cầu của người đề xuất về sản phẩm, thời gian giao hàng, giá cả và khả năng thanh toán, dịch vụ hậu mãi.
- Lập đơn hàng.
- Trình duyệt đơn hàng theo từng cấp.
- Chuyển đơn hàng cho các bộ phận thanh toán (Kế toán, Tài chính).
- Làm hợp đồng mua bán (nếu có).
- Thực hiện việc giao dịch mua hàng.
- Tổ chức việc nhận hàng, kiểm tra hàng hóa và giao hàng đến nơi được yêu cầu (có biên bản giao hàng, phiếu xuất kho).

- Nhận và giao vật tư, thiết bị, CCDC... hư hỏng cần yêu cầu bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa đến đơn vị bán hàng, các cơ sở được chỉ định, kiểm tra quá trình sửa chữa (nếu cần) và nhận hàng sau bảo hành, sửa chữa chuyển về nơi có nhu cầu sử dụng.
- Lập hóa đơn, chứng từ giao cho Bộ phận công nợ
- Thực hiện nhập kho, xuất kho ra công trình
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu công nợ, thanh toán với các bộ phận có liên quan
- Lập báo cáo, nhu cầu tài chính, tổng hợp, thống kê... theo yêu cầu của cấp trên
- Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của cấp trên.

**Bộ phận công nợ khách hàng:**

- Kiểm tra nhập mua, phiếu xuất kho, đối chiếu với số lượng giao nhận vật tư thực tế, kiểm tra thanh toán và đối chiếu với nhà cung cấp để xác nhận công nợ hàng tháng
- Báo cáo công nợ hàng tháng, báo cáo công nợ đột xuất khi có yêu cầu, lập đề nghị thanh toán công nợ theo yêu cầu của Bộ phận mua sắm vật tư hoặc chỉ đạo của cấp trên
- Kiểm tra hóa đơn, chứng từ, và luân chuyển xuống bộ phận thanh toán (Kế toán) để hạch toán.
- Theo dõi tạm ứng tiền mặt của Ban Kế hoạch – Vật tư và làm công tác hoàn ứng theo quy chế
- Thực hiện các công việc khác khi Lãnh đạo phân công thuộc phạm vi công việc của Ban.

**Bộ phận thủ kho, thống kê:**

- Thực hiện tiếp nhận đề xuất mua sắm vật tư từ các bộ phận có yêu cầu
- Tổ chức tiếp nhận hàng (kho bãi, nhân lực, vật lực) kiểm tra hàng hóa (số lượng, chủng loại, chất lượng, hiện trạng) và bàn giao cho bộ phận đề xuất.
- Kết nối, liên hệ giao vật tư, thiết bị, CCDC... hư hỏng cần yêu cầu bảo hành, sửa chữa cho các bộ phận có liên quan (Ban thiết bị cơ giới, bộ phận mua sắm vật tư)
- Thực hiện hoàn thiện phiếu xuất kho ra công trình căn cứ trên hàng nhận thực tế
- Tổng hợp số liệu thực hiện công tác thống kê, theo dõi và cập nhật hàng ngày hàng nhập, hàng xuất, hàng tồn kho. Lập báo cáo kho.

**Ban Quản lý điều hành thi công**

- Tham mưu cho ban Tổng Giám Đốc công ty trong việc mua bảo hiểm công trình, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm xe máy thiết bị đang hoạt động; quản lý và điều hành thi công, quản lý máy móc thiết bị, sản xuất nguyên vật liệu phục vụ thi công các công trình do công ty làm tổng thầu thi công xây dựng, và các lĩnh vực ngành nghề thuộc hoạt động xây dựng của Công ty.
- Phối hợp với Ban QLDA thực hiện việc sửa đổi, đề xuất điều chỉnh, kiểm tra về chất lượng hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công trước khi đưa ra công trường để tổ chức thi công.
- Tổ chức thực hiện việc quản lý chi phí thi công công trình, lập kế hoạch tài chính, kế hoạch thi công các dự án của Công ty từ sau khi được phê duyệt cho đến khi hoàn thành để bàn

giao đưa vào khai thác sử dụng tuân thủ theo đúng quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

- Phối hợp với Ban QLDA kiểm tra nội dung về chuyên môn kỹ thuật thi công, khối lượng, chất lượng và biện pháp thi công của dự án trong quá trình lập, điều chỉnh bản vẽ TKKT và Thiết kế BVTC
- Tham mưu và quản lý kỹ thuật xây dựng, giám sát tổ chức thi công các đơn vị, tổ đội thi công công trình do Công ty giao thực hiện.
- Thực hiện việc thi công giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng công trình phụ trợ, công trình chính và các công việc khác phục vụ cho việc thi công xây dựng công trình.
- Quản lý và Thực hiện việc điều phối máy móc thiết bị, CCDC thực hiện thi công công trình và sản xuất nguyên vật liệu cung cấp cho công trình thi công đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.
- Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán, tổng hợp dự toán xây dựng công trình, lập kế hoạch tài chính, kế hoạch thi công để TGD, HĐQT tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.
- Lập và trình phê duyệt phương án xác định giá giao khoán cho các tổ đội thi công, tổ chức lựa chọn nhà thầu, tổ, đội thi công công trình.
- Chuẩn bị đầy đủ các thủ tục, tài liệu giúp TGD đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu (bao gồm cả việc soạn thảo hợp đồng).
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát khối lượng và chất lượng thi công xây dựng công trình của các tổ đội thi công.
- Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng giao khoán đã ký kết. Thực hiện thanh toán giai đoạn hoàn thành và tổng quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đã hoàn thành và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn lao động, PCCN và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- Kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, các khối lượng phát sinh và làm các thủ tục thanh toán. Các trường hợp có khối lượng phát sinh nhỏ, Ban QL&ĐHTC yêu cầu đơn vị thi công giải trình và phải được BLĐ công ty chấp thuận.
- Nghiệm thu bàn giao công trình. Tổ chức giám định chất lượng xây dựng, nghiệm thu công trình và bàn giao công trình hoàn thành cho các tổ chức, đơn vị quản lý để đưa vào khai thác, sử dụng.
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng tháng, năm; Báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.
- Lập kế hoạch xin cấp vốn. Công khai, phân công chi tiết vốn theo tháng, năm kế hoạch.
- Lập kế hoạch cung cấp vật tư phục vụ thi công cho từng dự án, từng hạng mục công trình.
- Được đề nghị để đình chỉ các công việc xây dựng nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật, không đảm bảo an toàn và không đảm bảo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Báo cáo kịp thời nếu xét thấy bên nhận thầu làm không đúng hoặc không đạt yêu cầu theo quy định của công tác nghiệm thu; đề xuất, kiến nghị xử lý theo đúng luật định.

- Tham mưu cho TGD thực hiện việc mua bảo hiểm công trình, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiết bị máy móc, bảo hiểm xe vận tải, xe công vụ lưu thông trên đường.
- Lập và trình phê duyệt kế hoạch chi phí mua bảo hiểm công trình, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiết bị máy móc, bảo hiểm xe vận tải, xe công vụ lưu thông trên đường hàng năm.
- Theo dõi tình hình thiên tai lũ lụt, cập nhật tình hình tai nạn giao thông, tổn thất các công trình (nếu có) xảy ra đối với các tài sản mua bảo hiểm để kịp thời lập hồ sơ khiếu nại tổn thất.
- Tổ chức lập hồ sơ khiếu nại tổn thất (nếu có) đối với các công trình mua bảo hiểm của công ty, lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán các công trình có khiếu nại tổn thất.
- Kiến nghị với TGD & HĐQT những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công trình hoặc đảm bảo tiến độ thi công (kể cả việc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ thiết kế, thay đổi kết cấu công trình nếu thấy cần thiết).

### **Ban kinh doanh – kỹ thuật điện**

Ban kinh doanh – kỹ thuật điện là bộ phận tham mưu và giúp việc cho lãnh đạo Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành các công việc sau:

- Công tác kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng;
- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và các phương án, đề án quản lý hoặc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kinh doanh.

### **Ban pháp chế**

Ban pháp chế là bộ phận tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác đảm bảo về mặt pháp lý cho doanh nghiệp. Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tư vấn và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, sáp nhập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ... theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham mưu cho các phòng ban đối với các Hợp đồng kinh tế do các phòng ban trực tiếp thực hiện.
- Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, chuyển các phòng ban có liên quan.
- Tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ tụng hành chính, nhân sự.
- Kiểm tra và xử lý các văn bản của các cơ quan, ban ngành liên quan đến các dự án theo quy định của pháp luật khi được phân công.

### **Ban Quản lý dự án**

- Ban QLDA có chức năng giúp Ban Tổng giám đốc công ty quản lý và tổ chức thực hiện trong công tác đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, dự án năng lượng mới và giám sát chất lượng, tiến độ công trình.
- Đảm bảo tính chất pháp lý các dự án đầu tư từ giai đoạn Dự án đầu tư: Nghiệm thu vận hành, Quyết toán công trình.

- Thay mặt HĐQT, Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung công việc liên quan thuộc trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong các nội dung công việc được trong lĩnh vực quản lý và thực hiện đầu tư xây dựng dự án.
- Điều hành, quản lý và phân công thực hiện công việc toàn hệ thống Ban QLDA.
- Theo dõi kiểm tra và đôn đốc thực các nhiệm vụ các Phòng QLDA thuộc các Công ty trực thuộc.
- Phối hợp các bộ phận Phòng/Ban Công ty để thực hiện các nội dung công việc theo đúng nhiệm vụ Ban QLDA
- Phối hợp các bộ phận Phòng/Ban Công ty để thanh tra, kiểm tra các nội dung công việc theo nhiệm vụ được giao.
- Nhận chủ trương đầu tư dự án (sau khi có cơ hội đầu tư) thực hiện khảo sát phục vụ công tác đầu tư.
- Thực hiện lập báo cáo đầu tư dự án.
- Thực hiện lập hồ sơ Quy hoạch dự án.
- Lập Hồ sơ TKCS, Dự án đầu tư.
- Lập Hồ sơ thủ tục pháp lý, Báo cáo các đề án con.
- Phối hợp các bộ phận thực hiện công tác Bồi thường, Giải phóng mặt bằng.
- Thực hiện lập Hồ sơ mời thầu, dự thầu, báo cáo lựa chọn nhà thầu.
- Lập Hồ sơ – TKKT, Hồ sơ Thiết kế, Hồ sơ thỏa thuận phục vụ công tác đấu nối dự án.
- Lập Hồ sơ BVTC phục vụ hoàn công với các đơn vị quản lý nhà nước
- Lập Hồ sơ BVTC phục vụ thi công thực tế.
- Thực hiện các thủ tục Pháp lý dự án từ giai đoạn Dự án đầu tư đến đến giai đoạn nghiệm thu vận hành.
- Thực hiện các Hồ sơ nghiệm thu chất lượng công trình (tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị).
- Thực hiện các Hồ sơ nghiệm thu công việc, nghiệm thu thanh toán – giải ngân.
- Phối hợp các bộ phận thực hiện thanh toán, quyết toán Thuế (Kế toán, QLTC).
- Phối hợp các bộ phận nhận thông tin và Hồ sơ mua sắm các thiết bị năng lượng.
- Phối hợp các bộ phận thực hiện Hồ sơ hiệu chỉnh dự án (nếu có).
- Thực hiện theo dõi, phối hợp kiểm tra, quản lý chất lượng, khối lượng thi công trong toàn bộ quá trình triển khai thi công (gồm: Thi công xây lắp công trình, mua sắm thiết bị, lắp đặt thiết bị). Theo dõi, phối hợp các bộ phận trong việc xử lý hiện trạng thi công (xử lý nền móng, xử lý chống thấm, xử lý lắp đặt và đồng bộ thiết bị).
- Phối hợp và thực hiện nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
- Chủ trì lập Hồ sơ hoàn công, bàn giao công trình vào sử dụng.
- Báo cáo kết thúc thực hiện dự án đưa công trình vào sử dụng.
- Hệ thống Hồ sơ dự án chuyển các bộ phận lưu trữ và quản lý dự án vào vận hành.

**Ban Chỉ huy công trình**

- Tham mưu cho ban Tổng Giám Đốc công ty trong việc Quản lý các Công trường xây dựng đối với các dự án do Công ty thực hiện thi công hoặc làm CĐT.
- Tham gia kiểm tra về chất lượng hồ sơ TKKT trong quá trình thi công và phản hồi ý kiến với Ban QLDA.
- Đốc thúc tiến độ thi công phân công việc trong phạm vi quản lý.
- Hợp với chủ đầu tư, tư vấn giám sát và các bên liên quan đến công trình.
- Đưa ra tiến độ thi công hàng tháng (nếu có yêu cầu cụ thể phải đưa ra tiến độ thực thi hàng tuần).
- Kiểm soát các nhà thầu phụ (nếu có) theo tiến độ.
- Báo cáo cấp trên về tiến độ thi công theo định kỳ (kiểm tra báo cáo cán bộ cấp dưới lập trước khi gửi).
- Kiểm soát cán bộ kỹ thuật thực thi công tác thông qua họp nội bộ định kỳ hoặc bất thường.
- Hợp các tổ đội thi công trực tiếp và cán bộ kỹ thuật để giải quyết ngay các vướng mắc trên công trường khi có phát sinh.
- Hợp cán bộ toàn công trường khi cần thông báo thông tin mới. Nên có họp định kỳ về tiến độ và phương thức triển khai thi công.
- Kiểm tra, ký khối lượng thanh toán công nhân và khối lượng thanh toán với chủ đầu tư.
- Bàn bạc với BQLDA về biện pháp thi công đặc biệt hoặc chủ trương thanh toán với cán bộ kỹ thuật hiện trường và cán bộ thanh toán.
- Tổ chức đời sống và sinh hoạt cho toàn bộ cán bộ trên công trường.
- Liên lạc với chính quyền, an ninh địa phương, công tác dân vận trong quá trình thi công tại địa bàn.
- Phối hợp với Ban QLDA kiểm tra nội dung về chuyên môn kỹ thuật của hồ sơ TKKT trong quá trình thi công.
- Có quyền tạm dừng thi công khi các nhà thầu phụ thi công sai quy trình hoặc không đảm bảo TKKT được phê duyệt, giám sát việc thi công của các nhà thầu phụ.
- Gửi yêu cầu nghiệm thu cho Ban QLDA khi kết thúc một công tác xây dựng, chuyển giao đoạn thi công, hoàn thành hạng mục thi công....
- Tham mưu và quản lý chi phí, kỹ thuật xây dựng, giám sát tổ chức thi công các đơn vị thi công công trình do Công ty giao thực hiện.
- Quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn lao động, PCCN và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.
- Kiểm tra chất lượng thi công, xác nhận khối lượng hoàn thành, các khối lượng phát sinh và làm các thủ tục thanh toán đối với các hợp đồng thuê nhà thầu phụ. Các trường hợp có khối lượng phát sinh nhỏ, BCHCT phải giải trình với BQLDA và phải được tổ chức thiết kế chấp thuận.



- Nghiệm thu bàn giao công trình. Tổ chức giám định chất lượng xây dựng, nghiệm thu công trình và bàn giao công trình hoàn thành cho các tổ chức, đơn vị quản lý để đưa vào khai thác, sử dụng.
- Lập báo cáo thực hiện vốn của BCHCT hàng tuần, tháng và báo cáo cho phòng kế toán
- Lập kế hoạch xin cấp vốn. Công khai, phân khai chi tiết vốn theo năm kế hoạch.
- Lập kế hoạch cung cấp vật tư phục vụ thi công cho từng dự án, từng hạng mục công trình gửi BQLDA và phòng Kế hoạch vật tư.
- Được đề nghị để đình chỉ các công việc xây dựng của nhà thầu phụ (nếu có) nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật, không đảm bảo an toàn và không đảm bảo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Báo cáo kịp thời nếu xét thấy bên nhận thầu làm không đúng hoặc không đạt yêu cầu theo quy định của công tác nghiệm thu; đề xuất, kiến nghị xử lý theo đúng luật định.
- Kiến nghị với TGD & BQLDA những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công trình hoặc đảm bảo tiến độ thi công (kể cả việc thay thế hoặc sửa đổi hồ sơ TKKT nếu cần thiết).
- Chịu trách nhiệm trước Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo qui chế (chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn) của Công ty ban hành.
- Trực tiếp lãnh đạo, quản lý, kiểm soát, điều hành các cán bộ trong Ban thực hiện công việc công ty giao cụ thể hoá theo bảng mô tả công việc.

### **Ban xúc tiến đầu tư**

Ban xúc tiến đầu tư là đơn vị nghiệp vụ, tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu sự quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ bởi Tổng Giám đốc, gồm các chức năng sau:

- + Tổ chức xây dựng kế hoạch;
- + Triển khai thực hiện kế hoạch;
- + Giám sát thực hiện kế hoạch;
- + Tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch;
- + Công tác thẩm tra dự toán, quyết toán;
- + Công tác đầu tư tài chính, đầu tư dự án.

## **4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

### **4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Tại thời điểm ngày 01/12/2020, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

**Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Stt	Tên cổ đông	Số CMND/ GPKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ %
1	NGUYỄN VĂN NAM	233057724	44 Nguyễn Sinh Sắc, Kon Tum	9.130.660	18,00%
2	NGUYỄN NGỌC TƯỞNG	233201729	Lô T2 KCN Hòa Bình, Phường Lê Lợi, Kon Tum	8.007.700	15,79%
3	HÀ VĂN MY	210639626	Tỉnh Giang, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	7.555.758	14,89%
4	NGUYỄN HỒNG QUÂN	233146880	44 Nguyễn Sinh Sắc - Thành Phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	7.101.624	14,00%
5	VÕ QUANG OÁNH	080067000162	H14 Khu phố 4, Tân Thới Nhất, Quận 12, TP Hồ Chí Minh	6.594.365	13,00%
6	VÕ QUANG HIỀN	079190006221	54/7C khu phố 1, Tân Thới Nhất, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh	6.087.106	12,00%
7	TRƯƠNG THỊ TUYẾT HẰNG	079171005754	198 Trường Chinh, Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP Hồ Chí Minh	5.072.589	10,00%
<b>TỔNG CỘNG:</b>				<b>49.549.802</b>	<b>97,68%</b>

*Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/12/2020 của DTT Holdings*

#### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings được thành lập ngày 29/07/2016. Do đó, theo quy định tại Khoản 3, Điều 119 của Luật doanh nghiệp 2014, cổ phần của các cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 6: Cơ cấu cổ đông DTT Holdings tại ngày 01/12/2020**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	160	50.725.887	100



1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	160	50.725.887	100
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>164</b>	<b>50.725.887</b>	<b>100</b>

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/12/2020 của DTT Holdings

**5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký công ty đại chúng, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đại chúng.**

**5.1. Công ty mẹ**

Không có.

**5.2. Công ty do DTT Holdings nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

**Bảng 7: D/s Công ty do DTT Holdings nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Tên Công ty con của DTT Holdings	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp của DTT Holdings (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ của DTT Holdings
Công ty Cổ phần Tấn Phát.	Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện và thi công các công trình thủy điện	421,12	377,28	89,59 %
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam.	Thôn Phú Thuận, xã Hương Giang, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	128,38	123,19	95,96 %

Nguồn: DTT Holdings

**5.2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Tấn Phát (Tấn Phát)**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tấn Phát

Mối quan hệ với DTT Holdings: Công ty con

Tỷ lệ vốn cổ phần DTT Holdings sở hữu:	89,59%
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	6100160054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 07/03/2000, thay đổi lần thứ 07 ngày 04/03/2020.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện và thi công các công trình thủy điện
Địa chỉ trụ sở:	Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
Số điện thoại:	0260 3868119
Vốn điều lệ đăng ký:	421.120.440.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	421.120.440.000 đồng
Số lượng cổ phần DTT Holdings sở hữu:	37.727.641 cổ phần
Website:	<a href="http://www.tanphat-group.com.vn">www.tanphat-group.com.vn</a>
Lợi nhuận sau thuế năm 2019:	446.805.644 đồng
Lợi nhuận sau thuế 6T/2020:	13.175.725.546 đồng

**5.2.2. Khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam (MVC)**

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam
Mối quan hệ với DTT Holdings:	Công ty con
Tỉ lệ vốn cổ phần DTT Holdings sở hữu:	95,96%
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	2900795955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 27/04/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 19/03/2020.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Địa chỉ trụ sở:	Thôn Phú Thuận, Xã Hương Giang, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
Số điện thoại:	0911.298.567
Vốn điều lệ đăng ký:	128.386.900.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	128.386.900.000 đồng
Số lượng cổ phần DTT Holdings sở hữu:	12.320.007 cổ phần
Lợi nhuận sau thuế năm 2019:	0 đồng
Lợi nhuận sau thuế 6T/2020:	442.514.689 đồng

**GIỚI THIỆU CHI TIẾT VỀ CTCP TẤN PHÁT****• Quá trình hình thành và phát triển**

01/2000	Công ty TNHH Trung Đông được thành lập năm 2000 tại Tỉnh Kon Tum với vốn điều lệ chỉ 12,5 tỷ đồng, đây là tiền thân của Công ty Cổ phần Tấn Phát.
10/2005	Nghiên cứu thi công xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Ne tại Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum với công suất lắp máy 8,1MW, điện lượng trung bình năm khoảng 72 triệu kWh.
10/2008	Triển khai thi công xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Ne.
07/2009	Nghiên cứu xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Pia tại Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum với công suất phát điện 03 MW; điện lượng trung bình năm khoảng 20 triệu kWh.
07/2009	Triển khai thi công xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Pia.

08/2009	Thi công, xây dựng và đưa nhà máy thủy điện Tà Vi (03 MW) tại Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam vào hoạt động, điện lượng trung bình năm khoảng 20 triệu kWh.
09/2010	Hoàn thành thi công xây dựng để đưa Nhà máy thủy điện Đăk Ne (8,1MW).
09/2012	Hoàn thành và đưa Nhà máy thủy điện Đăk Pia vào hoạt động.
09/2014	Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Grét (3,6MW) tại Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum, điện lượng trung bình năm khoảng 10 triệu kWh; Tổng mức đầu tư 140 tỷ đồng.
10/2015	Hoàn thành xây dựng để đưa Nhà máy thủy điện Đăk Grét (3,6MW) vào hoạt động thương mại.
12/2015	Thi công xây dựng Công trình thủy điện Đăk Bla 1 tại xã Đăk Ruồng, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum với công suất lắp máy 15MW; Điện lượng trung bình năm 100 triệu kWh; và Thi công công trình khai thác và tuyển quặng vàng Đăk Blô tại Xã Đăk Blô, Huyện Đăk Glei, Tỉnh Kon Tum với công suất chế biến quặng dự kiến từ 6.272 – 6.691 tấn quặng nguyên/ năm.
03/2016	Đầu tư và thi công xây dựng nhà máy thủy điện Thượng Nhật (11MW) tại Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế với tổng mức đầu tư 358 tỷ đồng.
12/2016	Hoàn thành xây dựng và đưa nhà máy thủy điện Đăk Xú (2,2MW) vào vận hành sản xuất với điện lượng trung bình năm khoảng 20 triệu kWh.
03/2018	Bắt đầu nghiên cứu đầu tư phát triển điện gió trên địa bàn Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum.
04/2018	Hoàn thành thi công xây dựng, đưa nhà máy thủy điện Đăk Bla 1(15MW) vào hoạt động.
04/2018	Khởi công xây dựng công trình thủy điện Plei Kần tại Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum với công suất lắp máy 17MW; Điện lượng trung bình năm 59 triệu kWh; Tổng mức đầu tư 633 tỷ đồng; Dự kiến phát điện với công suất 20MW.
06/2018	Triển khai xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Psi 6 (12MW); Đầu tư và xây dựng nhà máy thủy điện PleiKần Hạ (13MW) với tổng mức đầu tư 450 tỷ đồng tại Huyện Đăk Tô và Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum.
07/2018	Triển khai xây dựng nhà máy thủy điện Đăk Piu 2 với công suất lắp máy 4 MW tại xã Đăk Ang, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum; điện lượng trung bình năm khoảng 25 triệu kWh.
9/2019	Nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện gió với tổng công suất 1.950 MW.
12/2019	Nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện Đăk Mek 3, công suất 7,5MW trên địa bàn xã Đăk Choong, Huyện Đăk Glei. Đến nay Công ty đang lên kế hoạch để quy hoạch.

01/2020	Nghiên cứu đầu tư các dự án điện gió công suất trên 350MW tại Huyện Ron Rẫy và Huyện Đắk Hà
---------	---

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tấn Phát những năm gần đây:**

**Bảng 8: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tấn Phát***Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>6 tháng năm 2020</b>
Tổng tài sản	848.449.986.170	993.330.824.177	1.235.745.376.166	1.267.941.266.744
Vốn chủ sở hữu	403.696.191.378	414.265.173.219	413.503.789.363	486.024.990.161
Doanh thu thuần	356.300.097.483	203.383.841.985	146.877.246.340	78.500.985.031
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.188.734.076	14.318.188.749	610.240.564	16.429.464.648
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>15.157.711.711</b>	<b>12.168.980.841</b>	<b>446.805.644</b>	<b>13.092.450.798</b>

*Nguồn: Công ty CP Tấn Phát*

Năm 2019 doanh thu giảm mạnh do doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 27,7% so với cùng kỳ năm trước, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp không giảm tương ứng khiến lợi nhuận sau thuế của Tấn Phát giảm 96,3% so với cùng kỳ năm trước.

Lý do doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tấn Phát giảm là do 02 hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện CTCP Tấn Phát bị hoãn, kéo dài sang 6 tháng đầu năm 2020, khiến doanh thu năm 2019 của Công ty bị giảm 27,7%.

Số hợp đồng	Tên đối tác	Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT)	Giá trị đã thực hiện của hợp đồng (sau VAT)	Giá trị còn lại của hợp đồng (sau VAT)
HĐ số 02/2016/HĐKT-XD ngày 19/02/2016, Công Trình Thủy Điện Đăk GLun	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân	328.253.339.598	305.539.324.505	22.714.015.093
HĐ 05/2018/HĐTT-DAKPIU2 ngày 31/08/2019, Công Trình Đăk Piu 2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Piu 2	137.161.696.000	64.230.514.999	72.931.181.001

*Nguồn: CTCP Tấn Phát*

Hai hợp đồng số 02/2016/HĐKT-XD và số 05/2018/HĐTT-DAKPIU2 bị hoãn tiến độ khiến việc thi công bị kéo dài sang 6 tháng đầu năm 2020. Điều này khiến doanh thu năm 2019 ở 2 gói thi công ở 2 hợp đồng này với tổng giá trị 95.645.196.094 đồng (sau VAT) chưa thể ghi nhận trong năm 2019.

Cụ thể Hợp đồng số 02/2016/HĐKT-XD ngày 19/02/2016, Công Trình Thủy Điện Đăk GLun ký với Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân, tổng giá trị hợp đồng 328.253.339.598 đồng (sau VAT) chỉ thực hiện được 305.539.324.505 đồng (sau VAT), tương ứng 93% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại của hợp đồng là 22.714.015.093 đồng, tương ứng 7% bị dời sang đầu năm 2020.

Tương tự, Hợp đồng số 05/2018/HĐTT-DAKPIU2 ngày 31/08/2019, Công Trình Đăk Piu 2 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Piu 2, tổng giá trị 137.161.696.000 đồng (sau VAT) chỉ thực hiện được 64.230.514.999 đồng, tương ứng 47% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại của hợp đồng này là 72.931.181.001 đồng, tương ứng 53% bị dời sang đầu năm 2020.

• **Thông tin về 2 nhà máy thủy điện mà CTCP Tấn Phát là chủ đầu tư:**

**(1) Nhà máy thủy điện Đăk Grét:**

- Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000018 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 25/06/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 09/02/2015.
- Giấy phép hoạt động điện lực mới nhất số 10/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực Bộ Công thương cấp ngày 12/01/2018.

- Hợp đồng mua bán điện số 3/2015/Đăk Grét/EVN CPC-TP giữa Công ty Cổ phần Tân Phát và Tổng công ty điện lực Miền Trung ngày 09/02/2015.

**(2) Nhà máy thủy điện Plei Kân:**

- Quyết định chấp thuận đầu tư số 1225/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh số 1318/QĐ-UBND ngày 20/11/2019.
- Giấy phép hoạt động điện lực số 23/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực Bộ Công thương cấp ngày 16/01/2020.
- Hợp đồng mua bán điện số 2/2020/PLEIKAN/EVNCPC-TÂN PHÁT giữa Công ty Cổ phần Tân Phát và Tổng công ty điện lực Miền Trung ngày 20/01/2020
- Hợp đồng mua bán điện số 10/2019/THƯỢNG NHẬT/EVNCPC-MVC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam và Tổng công ty điện lực Miền Trung ngày 18/10/2019.

**Bảng 9: Danh sách các nhà máy thủy điện Tân Phát đầu tư.**

TT	Tên nhà máy	Khởi công	Vận hành	Sản lượng điện bình quân/năm	Doanh thu /năm (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy thủy điện Đăk Grét	09/2014	10/2015	10 triệu kWh	18 tỷ	Đã phát điện
2	Nhà máy thủy điện Plei Kân	04/2018	02/2021	59 triệu kWh	72 tỷ (Dự kiến)	Dự kiến phát điện tháng 02/2021

Nguồn: CTCP Tân Phát (<http://www.tanphat-group.com.vn>)

**Nhà máy thủy điện Đăk Grét**


Hình ảnh tổng quan bên trong nhà máy thủy điện Đăk Grét

- Khởi công: Tháng 09/2014.
- Vận hành: Tháng 10/2015.
- Tổng mức đầu tư: 140 tỷ đồng.
- Công suất thiết kế: 3,6 MW
- Điện lượng trung bình năm: 10 triệu kWh.
- Doanh thu thực tế/ năm: 18 tỷ

**Nhà máy thủy điện Plei Kân**





Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Plei Kân

- Khởi công: Tháng 04/2018.
- Vận hành: Tháng 02/2021.
- Tổng mức đầu tư: 633 tỷ đồng
- Công suất thiết kế: 17 MW
- Điện lượng trung bình năm: 59 triệu kWh
- Doanh thu dự kiến/năm: 72 tỷ đồng

*Nguồn: CTCP Tân Phát*

Về lĩnh vực thi công xây dựng, đây là hoạt động mang tính chất ổn định lâu dài của Tân Phát từ việc thi công các dự án thủy điện, năng lượng. Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu có nhiều năm kinh nghiệm thi công các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên thì trong những năm tiếp theo Công ty sẽ mở rộng thị trường để làm tổng thầu thi công các dự án vừa và nhỏ trong khu vực.

Tân Phát đã và đang thi công các công trình thủy điện: Nhà máy thủy điện Thượng Nhật, Đắc Glun, Đắc Piu 2, Plei Kân Hạ, Đắc Mek. Thông tin chi tiết vui lòng xem bảng sau:

**Bảng 10: Danh sách các Hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện mà CTCP Tân Phát thực hiện trong giai đoạn 01/01/2018-31/12/2019**

*Đơn vị: đồng*

STT	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT)	Giá trị đã thực hiện của hợp đồng (sau VAT)	Giá trị còn lại của hợp đồng (sau VAT)
1	HĐ số 14/2016/HĐTT-XD ngày 21/04/2016 và các phụ lục kèm theo - CT Thượng Nhật	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam	261.896.837.000	261.896.837.000	0
2	HĐ số 02/2016/HĐKT-XD ngày 19/02/2016, Công Trình Thủy Điện Đắc GLun	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân	328.253.339.598	305.539.324.505	22.714.015.093



3	HĐ 05/2018/HĐTT- DAKPIU2 ngày 31/08/2019.Thị công công trình Đăk Piu 2	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Piu 2	137.161.696.000	64.230.514.999	72.931.181.001
---	---	---	-----------------	----------------	----------------

*Nguồn: CTCP Tấn Phát*

**Danh sách các Hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện mà CTCP Tấn Phát thực hiện trong giai đoạn 01/01/2020-30/06/2020**
*Đơn vị: đồng*

STT	Số hợp đồng	Tên khách hàng	Tổng giá trị hợp đồng (sau thuế)	Giá trị đã thực hiện của hợp đồng (sau thuế)	Giá trị còn lại của hợp đồng (sau thuế)
1	HĐ số 02/2016/HĐKT-XD ngày 19/02/2016, Công Trình Thủy Điện Đăk Glun.	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân	22.714.015.093	22.714.015.093	0
2	HĐ 05/2018/HĐTT-DAKPIU2 ngày 31/08/2019.Thi công công trình Đăk Piu 2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Piu 2	72.931.181.001	59.999.756.201	12.931.424.800
3	Hợp đồng tổng thầu số 08/2020/HĐTT-PKH-TPG ngày 18/02/2020.	Công ty CP Đầu tư Thủy điện Plei Kản Hạ	282.077.183.808	0	282.077.183.808
4	Hợp đồng tổng thầu số PC Số: 13/2020/HĐTT-ĐM3-TPG ngày 06/03/2020, Công trình Đăk Mek.	Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Điện KonTum	200.000.667.000	0	200.000.667.000

*Nguồn: CTCP Tấn Phát*

### **Thủy điện Thượng Nhật:**



*Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Thượng Nhật*

- HĐ số 14/2016/HĐTT-XD ngày 21/04/2016 và các phụ lục kèm theo - CT Thượng Nhật.
- Khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam.
- Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT): 261.896.837.000 đồng.
- Tiến độ: Hoàn thành 100%.

### **Thủy điện Đăk Glun**



*Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Đăk Glun*

- HĐ số 02/2016/HĐKT-XD ngày 19/02/2016 và các phụ lục kèm theo - Công Trình Thủy Điện Đăk GLun
- Khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Năng Lượng Phú Tân
- Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT): 328.253.339.598 đồng
- Tiến độ: Hoàn thành 100%

### **Thủy điện Đăk Piu 2**



*Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Đăk Piu 2*

- HĐ 05/2018/HĐTT-DAKPIU2 ngày 31/08/2019 và các phụ lục kèm theo - Công trình Đăk Piu 2.
- Khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Piu 2
- Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT): 137.161.696.000 đồng
- Tiến độ: Hoàn thành 82%

**Thủy điện Plei Kần Hạ**



- Hợp đồng tổng thầu số 08/2020/HĐTT-PKH-TPG ngày 18/02/2020/ và các phụ lục kèm theo - Công Trình Plei Kần Hạ
- Khách hàng: Công ty CP Đầu tư Thủy điện Plei Kần Hạ
- Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT): 282.077.183.808 đồng
- Tiến độ: Hoàn thành 0%

*Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Plei Kần Hạ*

**Thủy điện Đăk Mek**



- Hợp đồng tổng thầu số PC Số: 13/2020/HĐTT-ĐM3-TPG ngày 06/03/2020 và các phụ lục kèm theo - Công trình Đăk Mek.
- Khách hàng: Công ty CP đầu tư Năng Lượng Điện KonTum
- Tổng giá trị hợp đồng (sau VAT): 200.000.667.000 đồng
- Tiến độ: Hoàn thành 0%

*Hình ảnh tổng quan công trình thủy điện Đăk Mek*

Trong lĩnh vực điện gió, Công ty đang khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển 06 dự án. Công ty đang tiến hành xin cấp phép. Hiện tại dự án đang tiến hành lập quy hoạch với tổng mức đầu tư cho toàn bộ dự án là 16.100.000.000.000 đồng, thông tin cơ bản như sau

**Bảng 11: Danh sách các dự án điện gió đang nghiên cứu, đánh giá tiềm năng**

Dự án	Công ty đầu tư	Diện tích khảo sát (ha)	Vị trí
ĐG số 1	Công ty CP Tấn Phát	10.904	Xã Đăk Kôi, Huyện Kon Rẫy
ĐG số 2	Công ty CP Tấn Phát	25.729	Xã Đăk Pxi, Đăk Hring, Đăk Ui, Ngọc Wang, Huyện Đăk Hà
ĐG số 3	Công ty CP Tấn Phát	17.945	Xã Đăk Pne, Tân Lập, Đăk Ruông, Đăk Tờ re, Huyện Kon Rẫy
ĐG số 4	Công ty CP Tấn Phát	18.436	Xã Đăk Hà, Huyện Tu Mơ Rông.

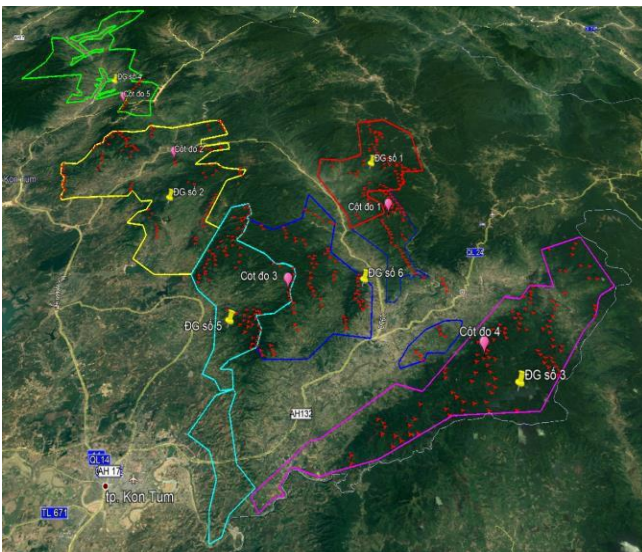


ĐG số 5	Công ty CP Tấn Phát	11.343	Xã Ngọc Réo, Đắk Ui, Ngọc Wang, Huyện Đắk Hà, Đắk Pla, TP Kon Tum
ĐG số 6	Công ty CP Tấn Phát	25.745	Xã Đắk Kôi, Đắk Tơ Lung, Huyện Kon Rẫy.
<b>Tổng cộng:</b>		<b>110.102</b>	

**Dự kiến tiến độ thực hiện hoàn thành:**

+ Giai đoạn 1: Trước tháng 11/2021 vận hành dự án công suất tương đương 350MW

+ Giai đoạn 2: Trước tháng 12/2022 vận hành dự án công suất tương đương 1.550 MW



*Mặt bằng tổng thể bố trí dự án điện gió trên bản đồ Google Map*

**• Đội ngũ nhân sự Công ty Cổ phần Tấn Phát**

Công ty Cổ phần Tấn Phát đang có một đội ngũ nhân viên năng động, chuyên môn hóa trong các lĩnh vực đầu tư, thi công các công trình thủy điện, điện mặt trời, điện gió với một nền tảng kiến thức và kinh nghiệm rộng lớn có khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển dự án năng lượng sách theo chiến lược trung hạn và dài hạn của Công ty và việc mở rộng ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động của Công ty trên phạm vi cả nước.

Công ty luôn quan tâm và có nhiều chính sách đãi ngộ xứng đáng giúp cán bộ, công nhân viên ổn định đời sống, an tâm công tác cống hiến hết mình vì sự phát triển chung của Công ty.

Trong đó trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

STT	Trình độ chuyên môn	Loại hợp đồng	Số lượng (người)
1	Đại học, sau đại học, cao đẳng, trung cấp (Kỹ sư Xây dựng thủy lợi, thủy điện, điện, kiến trúc, quản trị tài chính – kế toán, luật, kỹ sư nông – lâm – nghiệp, thạc sỹ).	Toàn thời gian	97
2	Lao động phổ thông (lao động phổ thông tại các công trình)	Thời vụ	300
<b>Tổng cộng:</b>			<b>397</b>

Nguồn: Công ty CP Tân Phát

- Danh sách năng lực thiết bị máy móc của Tân Phát**

**Bảng 12: Danh sách năng lực thiết bị máy móc của Tân Phát**

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Máy đào BX HD Robex, Sumitomo, Caterpillar, Kobeco, Komatsu; Máy đào bánh xích Kobecol	32 chiếc
2	Máy ủi BX Komatsu	05 chiếc
3	Xe xúc lật bánh lốp Komatsu, Hyundai	12 chiếc
4	Máy khoan đá BX FURUKAWA	02 chiếc
5	Dàn khoan BMK5	02 bộ
6	Máy khoan GK 300-1 Kinh Địa TQ	02 bộ
7	Cầu bánh lốp Kobelco	02 chiếc
8	Máy nâng AICHI SP120 SX1990	03 chiếc
9	Xe lu rung ANIMANU AC110	02 chiếc
10	Dây chuyền nghiền sàng đá công suất từ 60-100 m3/h	05 dây chuyền
11	Máy nén khí Aman 50HP; AirMan 37KW – 1	06 chiếc
12	Xe bán tải	12 chiếc
13	Xe tải Thaco	05 chiếc
14	Xe đầu kéo	02 chiếc
15	Xe ben Faw	15 chiếc

STT	Tên thiết bị	Số lượng
16	Xe ben Đông Feng BS: 82C - 031.15	16 chiếc
17	Xe trộn bê tông Cheng Long BS: 82C - 023.90	06 chiếc
18	Máy biến áp KV 630; KVA 750	05 chiếc
19	Trạm trộn bê tông 60m <sup>3</sup> /h	05 trạm
20	Máy bơm bùn đặc Tsurumi KRS2 - 100 - 6KW liên doanh	02 chiếc
<b>Tổng số (đầu xe, đầu máy, cần cầu, trạm trộn)</b>		<b>141 chiếc</b>

*Nguồn: Tấn Phát*

**Một số hình ảnh xe, đầu máy**



*Xe bơm bê tông, Công suất 80 – 100 m<sup>3</sup>/h*





*Máy đào bánh xích Komatsu, công suất 1700m<sup>3</sup> - 2000m<sup>3</sup>/ca Máy khoan HCR9, công suất 220m – 250m/ca*



*Máy ủi Komatsu, công suất 180 CV*





*Máy đào bánh xích Kobecol 480-8, công suất 2200 – 2500 m<sup>3</sup>/ca*



*Xe ben Đông Feng – Công suất 18m<sup>3</sup>*



*Xe xúc lật bánh lốp Komatsu – Công suất 2.2 m<sup>3</sup>    Trạm trộn bê tông – Công suất 100m<sup>3</sup>/h*



*Cần cẩu bánh lốp Kobelco – Công suất 25 tấn*





*Xe đầu kéo Sơ mi rơ moóc, trọng tải 40 tấn*



*Xe tải Thaco, trọng tải 1.25 tấn*



*Cần cẩu tháp, công suất 5 tấn*



*Xe xitec chở dầu, công suất 12.000 lít*

*Nguồn: Tân Phát*

**GIỚI THIỆU CHI TIẾT VỀ MVC**

**Quá trình hình thành, phát triển của MVC**

04/2007	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam được thành lập.
05/2008	Nghiên cứu, triển khai khởi công Nhà máy thủy điện Thượng Nhật. Tuy nhiên do suy thoái kinh tế nên việc thi công bị đình trệ.
07/2012	Điều chỉnh mức đầu tư Nhà máy thủy điện Thượng Nhật.
03/2016	Khởi động lại dự án Nhà máy thủy điện Thượng Nhật với Tổng thầu xây dựng mới là CTCP Tấn Phát.
04/2017	Công ty tăng vốn điều lệ từ 77,96 tỷ đồng lên 93,46 tỷ đồng.
11/2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 93,46 tỷ đồng lên 120,38 tỷ đồng.
01/2019	Công ty tăng vốn điều lệ 120,38 tỷ đồng lên 128,35 tỷ đồng.
05/2020	Nhà máy thủy điện Thượng Nhật (11MW) đi vào hoạt động, mang lại nguồn doanh thu cho công ty.

**Thông tin về Nhà máy thủy điện Thượng Nhật:**

- Giấy chứng nhận đầu tư số 31131000040 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 03/09/2008; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7483511656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 15/08/2016; thay đổi lần thứ 2 ngày 03/12/2018.
- Giấy phép hoạt động điện lực số 383/GP-ĐTĐL do Cục điều tiết điện lực Bộ Công thương cấp ngày 12/12/2019.
- Hợp đồng mua bán điện số 10/2019/THƯỢNG NHẬT/EVNCPC-MVC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam và Tổng công ty điện lực Miền Trung ngày 18/10/2019

**Bảng 13: Nhà máy thủy điện Thượng Nhật tại thời điểm 30/06/2020.**

TT	Tên nhà máy	Khởi công	Vận hành	Sản lượng điện bình quân/năm	Doanh thu/năm dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy thủy điện Thượng Nhật	03/2016	05/2020	38 triệu kWh	48 tỷ	Đã phát điện

MVC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900795955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2007, điều chỉnh thay đổi lần



thứ 15 lần ngày 19/03/2020. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

MVC hiện là chủ đầu tư Nhà máy thủy điện Thượng Nhật, công suất thiết kế 11MW, điện lượng trung bình năm 38kWh với các thông số sau:

**Bảng 14: Các thông số Nhà máy thủy điện Thượng Nhật tại thời điểm 30/06/2020**

STT	Các thông số	Đơn vị tính	
1	Diện tích lưu vực	km2	119.2
2	Công suất lắp máy	MW	7
3	Mức nước dâng bình thường	m	116
4	Mức nước chết	m	106
5	Mức nước gia cường khi xả lũ kiểm tra	m	118.53
6	Mức nước lũ thiết kế	m	116
7	Dung tích hồ chứa	106m3	16.08
8	Điện lượng bình quân nhiều năm	10 <sup>6</sup> kWh	27.97



*Toàn cảnh nhà máy thủy điện Thượng Nhật*

- Khởi công: 03/2016
- Vận hành: 05/2020.
- Tổng mức đầu tư: 358 tỷ đồng.
- Công suất thiết kế: 11 MW
- Điện lượng trung bình năm: 38 triệu kWh.
- Doanh thu bình quân hàng năm dự kiến: 48 tỷ đồng

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của MVC những năm gần đây:**

**Bảng 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh MVC**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	2018	2019	6T/2020
Tổng tài sản	277.819.613.586	352.269.725.955	356.814.059.065
Vốn chủ sở hữu	128.395.742.831	128.395.742.831	128.838.257.520



<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>6T/2020</b>
Doanh thu thuần	0	0	3.735.806.025
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	0	0	442.514.689
Lợi nhuận khác	0	0	-
Lợi nhuận trước thuế	0	0	442.514.689
Lợi nhuận sau thuế	0	0	442.514.689

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 và BCTC đã kiểm toán cho kỳ kết thúc ngày 30/06/2020-MVC*  
Năm 2018, 2019 MVC chưa phát sinh doanh thu. Nguyên nhân là do năm 2008 Công ty khởi công dự án nhà máy Thủy điện Nhật Thượng nhưng do suy thoái kinh tế dẫn đến việc thi công bị đình trệ đến năm 2016 mới tái khởi công trở lại với nhà thầu xây dựng mới là Công ty Cổ phần Tấn Phát. Điều này dẫn đến các năm 2017, 2018 và 2019 cũng chưa phát sinh lợi nhuận do nhà máy thủy điện Nhật Thượng chưa đi vào hoạt động. Phải vào tháng 05/2020 nhà máy thủy điện Nhật Thượng mới đi vào hoạt động thì lúc mới phát sinh lợi nhuận.

### **5.3. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với DTT Holdings**

Không có.

### **5.4. Công ty liên doanh, liên kết**

Không có.

## **6. Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty chủ yếu từ các hoạt động sản xuất điện và thi công công trình thủy điện, tuy nhiên Công ty không trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh mà hoạt động chủ yếu của Công ty là đầu tư vào Công ty con với các ngành chủ yếu sau:

- Kinh doanh sản xuất và bán điện thương phẩm.
- Kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công trình.
- Tư vấn thiết kế, dịch vụ thương mại

### **6.1. Hoạt động kinh doanh sản xuất và bán điện thương phẩm.**

Hiện nay, Công ty đang sở 03 nhà máy thủy điện là Đăk Grét, Plei Kần, Thượng Nhật thông qua Công ty con CTCP Tấn Phát và Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam. Hiện tại đang có nguồn doanh thu ổn định từ 2 Hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực Miền Trung (nhà máy thủy điện Đăk Grét và nhà máy thủy điện Thượng Nhật. Riêng nhà máy thủy điện Plei Kần dự kiến đi vào hoạt động vào tháng 2/2021.

## 6.2. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công trình

CTCP Tấn phát là Công ty con mà DTT Holdings đang sở hữu 89,59% là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình thủy điện với nhiều năm kinh nghiệm, có uy tín trong ngành. Tấn phát có kinh nghiệm về đội ngũ kỹ sư, công nhân và máy móc thiết bị đầy đủ để thực hiện các công trình thủy điện. Tấn Phát đã thực hiện một số công trình thủy điện như Đăk Ne, Đăk Pia, Đăk Bla 1, Đăk Xú, Đăk Grét cho các đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, Công ty cổ phần Thủy điện Trường Giang, Công ty TNHH Trung Việt và hiện nay chưa thực hiện thi công công trình nào mà đang là chủ đầu tư của nhà máy Thủy điện Plei Kần.

## 6.3. Hoạt động tư vấn thiết kế, dịch vụ thương mại

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực cho hoạt động đầu tư sở hữu các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất điện và thi công các công trình thủy điện, DTT Holdings cũng có bộ phận tư vấn thiết kế, dịch vụ thương mại nhằm tận dụng hệ thống khách hàng tiềm năng, góp phần đa dạng hóa nguồn thu. Hai khách hàng của Công ty trong dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng, thuê văn phòng và thuê xe thi công công trình là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty TNHH Trung Việt.

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

**Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty DTT Holding (Công ty mẹ)**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	2018	2019	% +/- 2018	6T/2020
Tổng giá trị tài sản	6.935.516.264	14.643.950.728	111,1%	507.952.580.787
Vốn chủ sở hữu	6.898.606.719	14.493.681.126	110,1%	507.613.311.185
Doanh thu thuần	222.727.273	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	184.547.725	743.848.009	303,1%	(359.239.941)
Lợi nhuận khác	0	(4.000)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	184.547.725	743.844.009	303,1%	(359.239.941)
Lợi nhuận sau thuế	147.638.180	595.074.407	303,1%	(359.239.941)
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	10.175	10.518	3,4%	10.007

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings.*

Tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019:

Tổng tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2019 tăng cao 111,1% so với thời điểm 31/12/2018. Không chỉ vậy, vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2019 đã tăng 110,1% so với đầu kỳ chủ yếu là tăng do năm 2019 công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 6,78 tỷ đồng lên 13,78 tỷ đồng (đợt phát hành này nằm trong đợt tăng vốn đợt 1 năm 2019 từ 6,78 tỷ đồng lên hơn 384 tỷ đồng).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 của Công ty không phát sinh mà chỉ phát sinh ở năm 2018 là 222.727.273 đồng. Nguyên nhân là trong năm 2019 chưa hợp nhất Tân Phát và MVC vào DTT. Doanh thu thuần năm 2018 có được là nhờ hoạt động đầu tư tài chính và dịch vụ thương mại.

Mức lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 303,1% trong khi đó tổng chi phí không có phát sinh làm lợi nhuận thuần tăng trưởng sau thuế tăng 303,1%, đạt trên 595 triệu đồng. Nguyên nhân lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng đến từ doanh thu hoạt động tài chính, cụ thể là phát sinh ở phần lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng hơn 780 triệu so với năm 2018.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty thực hiện tăng vốn từ 6,78 tỷ đồng lên hơn 507 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu (góp vốn bằng tài sản hơn 437,5 tỷ đồng là giá trị cổ phần của Ông Nguyễn Ngọc Tường tại CTCP Tân Phát và CTCP ĐT Thủy Điện Miền Trung Việt Nam và bằng tiền mặt gần 63 tỷ đồng dẫn đến Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng mạnh so với đầu năm. Hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ không có phát sinh về doanh thu tuy nhiên có một số chi hoạt động dẫn đến lợi nhuận sau thuế -352.239.941 đồng, giảm mạnh so với cùng kỳ.

**Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty DTT Holding (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	2018	2019	% +/- 2018	6T/2020
Tổng giá trị tài sản	-	-	-	1.626.827.748.352
Vốn chủ sở hữu thực góp	-	-	-	621.997.678.866
Doanh thu thuần	-	-	-	82.236.791.056
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	16.512.739.396
Lợi nhuận khác	-	-	-	(51.120.920)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	16.461.618.476
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	13.175.725.546

Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	-	-	-	11.882.643.245
Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	-	-	-	1.293.082.301
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	-	-	-	11.226

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings.*

*(\*) DTT Holdings năm 2020 mới bắt đầu hoạt động theo hình thức công ty mẹ-con. Do vậy, năm 2019 DTT Holdings chưa có báo cáo tài chính hợp nhất*

Kết thúc 30/06/2020, sau khi đã hợp nhất Tấn Phát và MVC đến Tổng Tài sản và Vốn CSH tăng kèm theo ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế từ các công ty con mang lại. Hoạt động kinh doanh của Tấn Phát và MVC, 6 tháng năm 2020 phát sinh lợi nhuận cụ thể như: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm của Tấn Phát là: 16.378.343.728 đồng; Lợi nhuận sau thuế của MVC là: 442.514.689 đồng.

## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

### **a. Những nhân tố thuận lợi**

**Nguyên liệu đầu vào:** Đối với các nhà máy thủy điện, nguồn nguyên liệu đầu vào là nước, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào lượng trữ nước trong hồ của nhà máy, phụ thuộc vào yếu tố thời tiết. Việt Nam nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2000 mm và hệ thống sông ngòi Việt Nam rất đa dạng, phong phú trải khắp cả nước.

Các dự án thủy điện của Công ty được xây dựng tại Tỉnh Kon Tum, là Tỉnh miền núi có nhiều thung lũng và mạng lưới sông suối lớn. Hệ thống sông suối này là nguồn nguyên liệu đầu vào rất phù hợp để làm thủy điện.

**Khách hàng:** Khách hàng của Công ty là Tập đoàn điện lực Việt Nam, đại diện là Tổng công ty điện lực Miền Trung. Đây là khách hàng độc quyền trong việc thu mua sản phẩm của Công ty, sau đó bán điện cho các doanh nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Các hoạt động hàng ngày này là thiết yếu và cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu của doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng, vì vậy cầu về điện luôn tăng thêm dẫn đến giá điện ở xu hướng tăng trong dài hạn.

Ngoài ra, các nhà máy thủy điện của Công ty hiện nay đều có công suất dưới 30MW nên được xem là các thủy điện nhỏ. Trong Quy hoạch phát triển điện VII điều chỉnh, các nhà máy thủy điện nhỏ tại các địa phương là đối tượng được khuyến khích phát triển nhằm khai thác tiềm năng thủy điện nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng tại địa phương và giảm hao hụt trong truyền tải điện. Theo quy

định tại Thông tư 32/2014/TT-BTC ngày 09/10/2014, các nhà máy thủy điện nhỏ được EVN mua lại toàn bộ sản lượng điện với giá bán được xác định tại Biểu giá chi phí tránh được, được Bộ Công thương ban hành hàng năm.

**Cạnh tranh trong nội bộ ngành:** Đặc điểm của ngành thủy điện của nước ta hiện nay, các nhà máy sản xuất điện có vốn đầu tư chủ yếu là nhà nước, cùng với đó là lượng điện sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, sản lượng điện sản xuất ra đều được bán cho EVN, vì vậy không có sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

**Sản phẩm thay thế:** Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu sử dụng điện tăng cao, tuy nhiên hiện nay các nhà máy sản xuất điện vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế, tình trạng thiếu điện thường xuyên xảy ra. Các sản phẩm điện đến từ năng lượng mặt trời, năng lượng gió chưa thể đáp ứng được nhu cầu điện của cả nước do công suất thấp. Chính vì vậy, năng lượng đến từ các nhà máy thủy điện vẫn đang là nguồn năng lượng chủ yếu của cả nước.

Theo số liệu của EVN năm 2019 thủy điện chiếm khoảng 41% trong tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện Quốc gia. Đây là mức khá cao so với tỉ trọng của nhiệt điện than 37%, tuabin khí 15%, các nguồn khác khoảng 7%. Điều này cho thấy Thủy điện vẫn đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu điện toàn ngành.

## **b. Những nhân tố khó khăn**

Nhìn chung, hoạt động trong ngành điện mặc dù được nhiều thuận lợi nhưng khó khăn cũng luôn tồn tại. Có hai khó khăn chính ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh là chi phí đầu tư xây dựng và yếu tố thời tiết.

**Chi phí đầu tư xây dựng:** Ngành thủy điện không có chi phí cho nhiên liệu, và có thể thay đổi công suất nhanh theo yêu cầu phụ tải. Tuy nhiên, việc đầu tư các máy móc thiết bị vận hành hiện đại, đáp ứng đúng công suất thiết kế, cần mức vốn đầu tư không nhỏ. Ngoài ra, thời gian xây dựng lâu, có thể do thiếu vốn, thiếu nhân lực hoặc những bất cập về cơ chế, chính sách, v.v. khiến cho ngành có chi phí đầu tư ban đầu cao. Công ty đã phải chịu khoản chi phí lãi vay hàng năm khá cao do cần nguồn vốn lớn để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện.

**Yếu tố thời tiết:** Sự ảnh hưởng của thời tiết đến hoạt động kinh doanh của Công ty rất lớn. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Hoặc ngược lại, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings đang vận hành 2 nhà máy thủy điện với tổng công suất thực tế lắp đặt 14.6 MW, trong đó Đăk Grét 3.6MW và

Thương Nhật 11MW. Sản lượng điện thương phẩm trung bình hàng năm đạt 48 triệu kWh, và dự kiến đạt tổng cộng 107kWh một khi nhà máy thủy điện Plei Kần đi vào hoạt động vào tháng 2/2021. Tổng sản lượng điện thương phẩm này đang chiếm một phần nhỏ trong hệ thống sản xuất nguồn điện quốc gia.

Do đặc thù của ngành điện, giữa các công ty sản xuất điện không có sự cạnh tranh về thị trường tiêu thụ. Vị thế của Công ty trong hợp đồng ký với đơn vị truyền dẫn điện sẽ được cải thiện hơn khi thị trường phát điện cạnh tranh hoạt động.

## **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng lớn về thủy điện. Lãnh thổ Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, có lượng mưa trung bình hàng năm cao, khoảng 1.800 – 2.000 mm. Với địa hình miền Bắc và biên giới miền Tây đồi núi cao, phía Đông là bờ biển dài trên 3.400 km nên nước ta có hệ thống sông ngòi khá dày đặc, với hơn 3.450 hệ thống sông, suối lớn nhỏ có dòng chảy liên tục như hệ thống các sông Mã, sông Cả ở phía Đông Bắc, các nhánh sông Đà, sông Lô, sông Gâm, sông Chảy đổ về sông Hồng ở miền Bắc; sông Mê Kông, sông Đồng Nai ở miền Nam; sông Vũ Giá, sông Thu Bồn ở khu vực đồng bằng; sông Sê San, sông Srepok ở Tây Nguyên, và sông Ba ở vùng ven biển miền Trung. Và với điều kiện tự nhiên thuận lợi như vậy nên tiềm năng thủy điện của nước ta tương đối lớn.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu điện trong xã hội ngày càng tăng cao. Hiện nay và trong ngắn hạn, nguồn cung sản lượng điện trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện. Quy hoạch điện VII điều chỉnh xác định mục tiêu phát triển ngành điện là đáp ứng đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cho cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2016-2030. Cụ thể, nhu cầu về điện thương phẩm: năm 2020 khoảng 235 – 245 tỷ kWh, năm 2025 khoảng 352 – 379 tỷ kWh, năm 2030 khoảng 506 – 559 tỷ kW.

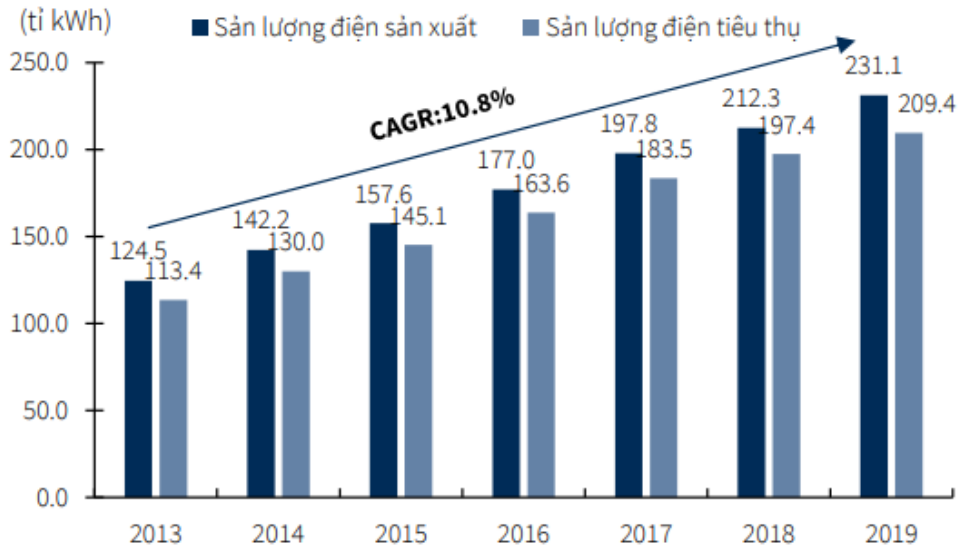
Giá bán điện hiện nay của Việt Nam được đánh giá thấp hơn so với một số nước trong khu vực do được sự hỗ trợ từ các chính sách của Chính phủ nhằm khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên trong những năm tới, bảng giá điện sẽ được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong ngành năng lượng.

Theo số liệu của EVN, lũy kế đến hết năm 2019, sản lượng điện sản xuất năm 2019 đạt 231.1 tỉ kWh tăng trưởng 8.86% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng điện thương phẩm đạt 209.4 tỉ kWh tăng trưởng 8.85% so với cùng kỳ năm ngoái. Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện trung bình từ năm 2013 đến hết năm 2019 đạt 10.8%. Tỷ lệ hao hụt điện trên lưới cũng giảm từ mức 8.87% năm 2013 về còn 6.5% năm 2019.

Theo phương án xây dựng quy hoạch điện VII của Bộ Công thương thì cơ quan này đang ước tính tăng trưởng nhu cầu điện toàn quốc giai đoạn 2016-2020 sẽ là 10.6%/năm, 8.5%/năm (giai đoạn



2021-2025) và 7.5%/năm (giai đoạn 2026- 2030). Theo EVN, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam từ 6.5%/năm - 7%/năm, thì nhu cầu tiêu thụ điện của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhanh như trên là hợp lý.



Nguồn: EVN

Ngày 18/03/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 428/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII), theo đó cơ cấu nguồn điện Việt Nam sẽ được quy hoạch như sau:

#### Quy hoạch phát triển điện quốc gia

Mục tiêu	Đơn vị tính	2020	2025	2030
Điện thương phẩm	Tỷ kWh	235-245	352-379	506-559
Tỷ lệ năng lượng tái tạo	%	7%	N/A	10%
<b>Công suất các nguồn điện</b>	<b>MW</b>			
Thủy điện	MW	21.600	24.600	27.800
Điện gió	MW	800	2.000	6.000
Điện sinh khối	MW	600	1.158	2.720
Năng lượng mặt trời	MW	850	4.000	12.000
Nhiệt điện khí	MW	9.000	15.000	19.000
Nhiệt điện than	MW	26.000	47.600	55.300
Điện hạt nhân	MW	0	0	4.600
<b>Cơ cấu nguồn điện</b>	<b>%</b>			



Mục tiêu	Đơn vị tính	2020	2025	2030
Thủy điện	%	30.1	21.1	16.9
Nhiệt điện than	%	42.7	49.3	42.6
Nhiệt điện khí	%	14.9	15.6	14.7
Năng lượng tái tạo	%	9.9	12.5	21.0
Nhập khẩu	%	2.4	1.5	1.2
Điện hạt nhân	%	0	0	3.6

*Nguồn: Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 điều chỉnh*

*Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030*

**Tỷ trọng thủy điện trong cơ cấu nguồn năng lượng của Việt Nam sẽ giảm trong thời gian tới.**

Tính đến thời điểm hiện tại, tiềm năng thủy điện của Việt Nam gần như đã được khai thác hoàn toàn. Các địa điểm có điều kiện thích hợp để xây dựng nhà máy thủy điện công suất lớn gần như đã hết. Do đặc tính của thủy điện là phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu hụt điện vào những năm xảy ra hiện tượng El Nino. Đồng thời, khí hậu và thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn, hạn hán thường xuyên xảy ra khiến cho thủy điện không thể là nguồn cung điện ổn định và an toàn. Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh thì tỷ trọng của thủy điện trong cơ cấu nguồn điện sẽ giảm dần cho đến năm 2030 và dần được thay thế bằng các nguồn năng lượng khác. Vì vậy, công tác vận hành hệ thống điện sẽ phải đối mặt với những khó khăn và thách thức liên quan tới công tác quản lý, phối hợp hài hòa và vận hành tối ưu các nhà máy thủy điện nhằm đáp ứng các mục tiêu phát điện, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống lũ hạ du, đồng thời đáp ứng các tiêu chí liên quan tới môi trường. Để bắt kịp với xu hướng phát triển nguồn năng lượng của Việt Nam, DTT Holdings triển khai đẩy mạnh công tác quản lý, phối hợp hài hòa và vận hành tối ưu các nhà máy thủy điện để đạt hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao hơn nữa. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nghiên cứu nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió để theo kịp với xu hướng hướng tới nguồn năng lượng tái tạo, để phát triển bền vững môi trường và xã hội.

**Thủy điện vẫn là ngành quan trọng**

Theo đánh giá của Bộ Công thương, thủy điện vẫn là nguồn năng lượng sạch, có khả năng tái tạo, giá thành rẻ hơn so với các nguồn điện khác. Quá trình đầu tư xây dựng và vận hành khai thác đã tạo nhiều việc làm cho các lực lượng lao động trong cả nước. Việc hình thành các hồ chứa thủy điện cũng góp phần quan trọng trong việc chủ động tích trữ để xả nước cho nhu cầu dân sinh, nông nghiệp và tham gia cắt lũ cho hạ du, cải tạo môi trường, phát triển du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản, giao thông thủy, v.v. Đặc biệt, các hồ thủy điện đang là nguồn dung

tích trữ nước cực kỳ quan trọng, trong những năm qua đã góp phần quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước.

### **8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Mục tiêu của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings là trở thành một trong những công ty hàng đầu có tốc độ phát triển nhanh, bền vững về lĩnh vực thủy điện vừa và nhỏ. Cơ sở để thực hiện mục tiêu là Công ty hiện đang sở hữu 3 nhà máy thủy điện nhỏ và vẫn đang tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án hoặc nhà máy thủy điện khác. Hiện tại, DTT Holdings là công ty có tổng công suất thiết kế cao hơn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện nhỏ đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty tập trung mọi nguồn lực đầu tư và kinh doanh hiệu quả tối đa công suất phát điện và tham gia đầu tư ở các công trình thủy điện khác nhằm thu được lợi nhuận tối đa cho cổ đông trên cơ sở đảm bảo lợi ích của người dân, đóng góp vào ngân sách góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mỗi kỹ sư là một người giỏi về kỹ thuật, mỗi công nhân là một thợ lành nghề, mỗi cán bộ quản lý là một quản trị viên giỏi, mỗi thành viên là một chuyên gia và không có người thiếu việc trong Công ty.

Với lợi thế sẵn có cùng chiến lược phát triển ngành năng lượng hiện tại của Việt Nam, trong tương lai, ngành năng lượng nói chung và ngành điện cũng như thủy điện nói riêng vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo là cao và đầy triển vọng của Việt Nam. Do đó, phạm vi hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **9.1. Số lượng và cơ cấu lao động**

Số lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings hiện nay là 407 người đều là lao động từ Công ty Tấn Phát và MVC.

Tổng số lượng lao động của cả Tấn Phát, MVC hiện nay là 407 người, trong đó 107 là nhân viên toàn thời gian, 300 người là nhân viên thời vụ.

Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

STT	Trình độ chuyên môn	Loại hình hợp đồng	Số lượng (người)	Tỉ trọng
1	Đại học, sau đại học, cao đẳng, trung cấp (Kỹ sư Xây dựng thủy lợi, thủy điện, điện, kiến trúc, quản trị tài chính, kế toán, luật, kỹ sư nông – lâm – nghiệp, thạc sỹ).	Toàn thời gian	107	26%
2	Lao động phổ thông trình độ tốt nghiệp 12 (lao động phổ thông tại các công trình) Làm việc bán thời gian	Thời vụ	300	74%
<b>Tổng cộng:</b>			<b>407</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: DTT Holdings*

## 9.2. Chính sách đối với người lao động

### Một số chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định Công ty:

- 100% CBCNV được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Bảo hộ lao động, đồng phục đầy đủ và thường xuyên nâng cao chất lượng bảo hộ lao động.
- Tổ chức cho người lao động được tham gia các phong trào văn thể mỹ, hoạt động thể thao của Công ty.
- Chế độ thưởng tháng 13, thưởng nhân dịp lễ, ... luôn được áp dụng.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần (quà tặng ngày cưới, ốm đau, hiếu hỉ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi, rằm trung thu, ...).
- Công ty luôn cố gắng giải quyết việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

**Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:** Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành và nâng cao phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công việc hiện tại, định hướng phát triển tương lai của Công ty, đảm bảo người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm và kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với hoạt động của Công ty và khả năng phát triển của bản thân.

**Tuyển dụng:** Với hệ thống quy chế tuyển dụng được ban hành đã tạo ra khung cơ bản nhằm góp phần tuyển chọn những người thực sự có tài góp sức xây dựng doanh nghiệp.

**Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:** Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ cho Công ty. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài, đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty.

ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động. Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với hiệu quả lao động, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **Mức lương bình quân của người lao động:**

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 7.065.175 đồng/người/tháng, mức tương đối tích cực so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

#### **10. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị của Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tính tới thời điểm 30/06/2020, Công ty chưa thực hiện đợt chi trả cổ tức lần nào.

#### **11. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

##### **11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

###### **❖ Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chi tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

**Bảng 18: Các khoản phải nộp theo quy định (Báo cáo riêng)**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>30/06/2020</b>
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.909.545	148.769.602	148.769.602
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
4	Thuế tài nguyên	-	1.500.000	-
	<b>Tổng</b>	<b>36.909.545</b>	<b>150.269.602</b>	<b>148.769.602</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**Bảng 19: Các khoản phải nộp theo quy định (Hợp nhất)**

<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>30/06/2020</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.178.429.354
Thuế xuất. nhập khẩu	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.492.763.154
Thuế thu nhập cá nhân	7.500.000
Thuế tài nguyên	425.653.212
Thuế khác	604.875.741
<b>Cộng</b>	<b>7.709.221.461</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**❖ Trích lập các quỹ theo quy định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**❖ Tổng dư nợ vay**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Tính đến thời điểm hiện nay thì Công ty không có nợ quá hạn nào. Đây cũng là một thuận lợi của Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của Công ty một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi.

**Vay và nợ thuê tài chính (báo cáo riêng)**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings

Công ty mẹ không có các khoản vay và nợ tài chính

**Bảng 20: Vay và nợ thuê tài chính (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	30/06/2020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.536.201.500
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	646.033.400.719
<b>Tổng cộng</b>	<b>664.569.602.219</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings



**Chi tiết khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Năm 2019	6T/2020
<b>Vay Ngân hàng:</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	-	10.000.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả:</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	-	2.310.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – CN Kon Tum	-	138.252.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – PGD Lê Lợi, CN Kon Tum	-	815.200.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Kon Tum	-	2.808.576.500
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	-	1.200.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust CN Đà Nẵng	-	1.264.173.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>18.536.201.500</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 của DTT Holdings

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán 30/06/2020**

Số/ngày của Hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/666462/HĐTĐ ngày 28/01/2019 và Hợp đồng tín dụng số 03.01/2019/666462/HĐTĐ ngày 31/12/2019	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	11 tháng	9,90%	10.000.0000.000	Quyền SDD và TS gắn liền với đất tại thửa số 92, tờ bản đồ 24 đường Nguyễn Trãi, Phường Thống Nhất, TP. Kon Tum theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/1779669/HĐBĐ

<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>					
<b>1. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum</b>				<b>2.310.000.000</b>	
Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2017/666462/H ĐTD ngày 16/06/2016	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	60 tháng	11,30 %	190.000.000	1 ô tô đầu kéo nhãn hiệu HOWO, 1 sơ mi rơ mooc tải và 1 xe Thaco Kia K190 – Thùng lửng
Hợp đồng tín dụng số 01/2017/666462/H ĐTD ngày 11/09/2017	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	50 tháng	11,30 %	520.000.000	1 máy đào bánh xích Hyundai Robex 4500LC-7 và 1 ô tô tải ben 2 cầu Chiến Thắng
Hợp đồng tín dụng số 01/2018/666462/H ĐTD ký ngày 09/04/2018	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	59 tháng	11,30 %	1.600.000.000	2 máy đào bánh xích hiệu Kobelco, 1 máy đào bánh xích hiệu Catterpillar, 1 máy xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA300-2, 1 máy xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA300-1
<b>2. Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM</b>				<b>138.252.000</b>	
Hợp đồng số 06921/18MN/HĐ TD ngày 09/04/2018	Ngân hàng TMCP Phát triển TP	48 tháng	11,50 %	138.252.000	Xe tải pickup cabin kép Mitsubishi Triton

	HCM – CN Kon Tum				
<b>3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum</b>				<b>815.200.000</b>	
Hợp đồng tín dụng số 5108 – LAV-201601128 ngày 09/09/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum	60 tháng	9,50%	201.800.000	Xe đào bánh xích hiệu Kobelco theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5108-LCL-201600650
Hợp đồng tín dụng số 5108 – LAV-201601386 ngày 04/11/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum	60 tháng	9,50%	210.000.000	1 xe xúc lật hiệu Komatsu Wa 500 theo Hợp đồng thế chấp số 5108-LCL-201600809
Hợp đồng tín dụng số 5108 – LAV-201700230 tháng 02/2017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông	60 tháng	9,50%	403.400.000	1 xe xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu Wa 450-6 và 1 xe xúc lật hiệu Komatsu Wa 450-6 theo Hợp đồng thế chấp số 5108-LCL-201700117 ngày 24/02/2017 và Phụ lục sửa

	thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum				đổi bổ sung ký ngày 20/10/2017
<b>4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum</b>				<b>2.808.576.500</b>	
Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-201500503 ngày 27/07/2015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum	60 tháng	10,50 %	1.082.376.500	Nhà văn phòng và Xưởng Cơ khí công nghiệp tại đường Phạm Văn Đồng, KCN Hòa Bình, P. Lê Lợi, tỉnh Kon Tum theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 5100-LCL-201500211 ngày 24/07/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 30/11/2015
Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-22/03/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum	60 tháng	10,50	98.000.000	1 xe ô tô bán tải hiệu Mitsubishi theo hợp đồng thế chấp số 5100-LCL-201600088 ngày 21/03/2016
Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-201600247 ký ngày 12/04/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	60 tháng	10,50 %	623.600.000	1 xe máy đào hiệu Komatsu 450-6 và 2 xe máy ủi hiệu Komatsu D80-18

	Việt Nam – CN Kon Tum				
Hợp đồng số 5100-LAV-201700518 ký ngày 21/06/2017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum	60 tháng	10,5%	420.000.000	Xe máy đào bánh xích có kèm búa rung hiệu Kobelco theo Hợp đồng thế chấp số 5100-LCL-201700227 ngày 21/06/2017
Hợp đồng số 5100-LAV-201600581 ký ngày 06/07/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum	60 tháng	10,5%	584.600.000	2 xe đào bánh xích hiệu Kobelco và 1 xe đào bánh xích hiệu Komatsu theo Hợp đồng thế chấp số 5100-LCL-201600294 ngày 06/07/2016 và Phụ lục sửa đổi bổ sung ngày 20/10/2017
<b>5. Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum</b>				<b>1.200.000.000</b>	
Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 30/01/2015, Hợp đồng nhận nợ số 01/2014/NHPT-NNCT ngày 25/11/2014, Hợp đồng kế thừa	Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	127 tháng	Từ 6,90% đến 10,50%	1.200.000.000	Toàn bộ Công trình Thủy điện Đắk Grét



quyền và nghĩa vụ số 02/2014/HĐ- NHPT ngày 01/07/2014					
<b>6. Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Đà Nẵng</b>				<b>1.264.173.000</b>	
Hợp đồng cho thuê tài chính số 21918000057 ngày 05/06/2018	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST – CN Đà Nẵng	36 tháng	9,50%	1.264.173.000	Tài sản thuê: Máy đào Kobelco SK 480DLC-8
<b>Tổng cộng</b>				<b>18.536.201.500</b>	

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 của DTT Holdings*

**Chi tiết khoản Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Chỉ tiêu	Năm 2019	6T/2020
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Kon Tum	-	4.732.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - CN Kon Tum	-	115.202.000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN-PGD Lê Lợi, CN Kon Tum	-	815.200.000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN-CN Kon Tum	-	363.531.323.719
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Kon Tum	-	74.857.555.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST CN Đà Nẵng	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN - CN Láng Hạ & TT Huế	-	201.982.120.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>646.033.400.719</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 của DTT Holdings*

**Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán 30/06/2020**

Số/ngày của Hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo khoản vay
<b>1. Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kon Tum</b>					<b>4.732.000.000</b>
Hợp đồng tín dụng số 01/2017/666462/HĐTĐ ngày 11/09/2017	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Kon Tum	50 tháng	11,30 %	352.000.000	1 máy đào bánh xích Hyundai Robex 4500LC-7, 1 máy đào bánh xích Hyundai Robex 4700LC-7 và 1 ô tô tải ben 2 cầu Chiến Thắng

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/666462/H ĐTD ngày 11/09/2017	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum	50 tháng	11,30 %	520.000.000	1 máy đào bánh xích Hyundai Robex 4500LC-7 và 1 ô tô tải ben 2 cầu Chiến Thắng
Hợp đồng tín dụng số 01/2018/666462/H ĐTD ngày 09/04/2018	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Kon Tum	59 tháng	11,30 %	4.380.000.000	2 máy đào bánh xích hiệu Kobelco, 1 máy đào bánh xích hiệu Catterpillar, 1 máy xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA300-3, 1 máy xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu WA300-1
<b>2. Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Kon Tum</b>				<b>115.202.000</b>	
Hợp đồng số 06921/18MN/HĐ TD ngày 09/04/2018	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HC M - CN Kon Tum	48 tháng	11,50 %	115.202.000	Xe tải pickup cabin kép Mitsubishi Triton
<b>3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum</b>				<b>815.200.000</b>	
Hợp đồng tín dụng số 5108-LAV-201601128 ngày 09/09/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	60 tháng	9,50%	201.800.000	Xe đào bánh xích hiệu Kobelco theo Hợp đồng thể chấp tài sản số 5108-LCL-201600650

	Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum				
Hợp đồng tín dụng số 5108 – LAV-201601386 ngày 04/11/2016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum	60 tháng	9,50%	210.000.000	1 xe xúc lật hiệu Komatsu Wa 500 theo Hợp đồng thế chấp số 5108-LCL-201600809
Hợp đồng tín dụng số 5108 – LAV-201700230 tháng 02/2017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – PGD Lê Lợi – CN Kon Tum	60 tháng	9,50%	403.400.000	1 xe xúc lật bánh lốp hiệu Komatsu Wa 450-6 và 1 xe xúc lật hiệu Komatsu Wa 450-6 theo Hợp đồng thế chấp số 5108-LCL-201700117 ngày 24/02/2017 và Phụ lục sửa đổi bổ sung ký ngày 20/10/2017
<b>4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kon Tum</b>				<b>363.531.323.719</b>	
Hợp đồng số 5100-LAV-201700518 ký ngày 21/06/2017	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát	60 tháng	10,50 %	420.000.000	Xe máy đào bánh xích có kèm búa rung hiệu Kobelco theo Hợp đồng thế chấp số 5100-LCL-

	triển Nông thôn VN-CN Kon Tum				201700227 21/06/2017	ngày
Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-201600581 ký ngày 06/07/2016	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN-CN Kon Tum	60 tháng	10,50	584.600.000	2 xe đào bánh xích hiệu Kobelco và 1 xe đào bánh xích hiệu Komatsu theo Hợp đồng thế chấp số 5100-LCL-201600294 ngày 06/07/2016 và Phụ lục sửa đổi bổ sung ngày 20/10/2017	
Hợp đồng tín dụng số 3399/HĐTD ngày 24/04/2018	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN-CN Kon Tum	13 năm	10,52 %	362.526.723.719	Toàn bộ tài sản của Dự án công trình thủy điện Plei Kần và nguồn thu bán điện trong tương lai của nhà máy Thủy điện Plei Kần theo Hợp đồng cầm cố số 5100-LCL-201800171-A/HĐCC ngày 24/04/2018	
<b>5. Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Kon Tum</b>				<b>74.857.555.000</b>		
Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 30/01/2015, Hợp đồng nhận nợ số 01/2014/NHPT-NNCT ngày 25/11/2014, Hợp đồng kế thừa	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum	127 tháng	Từ 6,90% đến 10,50 %	74.857.555.000	Toàn bộ Công trình Thủy điện Đắk Grét	

quyền và nghĩa vụ số 03/2014/HĐ-NHPT ngày 25/12/2014 và Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 02/2014/HĐ-NHPT ngày 01/07/2014					
<b>6. Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Láng Hạ &amp; TT Huế</b>				<b>201.982.120.000</b>	
Hợp đồng cho thuê tài chính số 21918000057 ngày 05/06/2018	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn VN - CN Láng Hạ & TT Huế	144 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	201.982.120.000	Toàn bộ NM. Thủy điện Thượng Nhật hình thành trong tương lai trị giá 358.480.382.000 VND theo HĐ sửa đổi bổ sung HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4000-LCL-201700319-01 ngày 24/01/2019
<b>Tổng cộng</b>				<b>646.033.400.719</b>	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 của DTT Holdings

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- **Các khoản phải thu**

**Các khoản phải thu (báo cáo riêng)**

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	-	<b>7.399.200.000</b>	<b>7.102.511.507</b>
1	Phải thu khách hàng	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	119.200.000	213.580.000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	6.500.000.000	6.500.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	-	780.000.000	388.931.507



5	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>6.500.000.000</b>	-	-
1	Phải thu về cho vay dài hạn	6.500.000.000	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>7.399.200.000</b>	<b>7.102.511.507</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings

**Các khoản phải thu (Hợp nhất)**

Đơn vị: Việt Nam đồng

	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>30/6/2020</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>115.304.320.548</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.977.374.828
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	89.657.975.338
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.500.000.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	9.168.970.382
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>160.140.663.455</b>
1	Phải thu dài hạn khác	160.140.663.455
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>275.444.984.003</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings

**Các khoản phải thu dài hạn (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>160.140.663.455</b>
1	Ký cược, kỹ quỹ dài hạn	2.569.644.808
2	Giá trị HTK và TSCĐ góp vốn theo Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Phương Thảo Kon Tum	157.257.836.828
3	Phải thu dài hạn khác	313.181.819

**- Các khoản phải trả**

**Các khoản phải trả (Báo cáo riêng)**
*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>36.909.545</b>	<b>339.269.602</b>	<b>150.269.602</b>
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	36.909.545	150.269.602	148.769.602
4	Phải trả người lao động	-	-	97.500.000
7	Phải trả ngắn hạn khác	-	-	93.000.000
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-	-	-
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>36.909.545</b>	<b>339.269.602</b>	<b>150.269.602</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings

**Bảng 21: Các khoản phải trả (Hợp nhất)**
*Đơn vị: Việt Nam đồng*

CHỈ TIÊU	30/6/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.004.830.069.486</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>224.837.169.737</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	44.587.299.630
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	129.447.352.748
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.665.126.881
Phải trả người lao động	4.309.180.365
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.253.547.625
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-
Phải trả ngắn hạn khác	13.534.262.266
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.536.201.500
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.495.801.278)
Quỹ bình ổn giá	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>779.992.899.749</b>
Phải trả người bán dài hạn	-

Người mua trả tiền trước dài hạn	3.091.049.000
Chi phí phải trả dài hạn	17.808.875.973
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-
Phải trả nội bộ dài hạn	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-
Phải trả dài hạn khác	113.059.547.057
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	646.033.400.719

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**Chi tiết Phải trả dài hạn khác**

*Đơn vị: Việt Nam đồng*

<b>II. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>113.059.574.057</b>
Ông Nguyễn Ngọc Trung	18.024.091.848
Ông Nguyễn Ngọc Tường	95.016.538.209
Ông Nguyễn Hồng Quân	18.944.000

*Đâu là khoản tiền vay của cá nhân, không phải trả lãi*

**- Hàng tồn kho**
**Hàng tồn kho (Báo cáo riêng)**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Hàng tồn kho	878.100	-	-
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>878.100</b>	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**Hàng tồn kho (hợp nhất)**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	30/06/2020
1	Hàng tồn kho	140.369.205.116
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140.369.205.116</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**- Đầu tư tài chính:**

**Các khoản đầu tư tài chính (báo cáo riêng)**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư dài hạn (*)</b>	-	<b>7.000.000.000</b>	<b>500.478.880.000</b>
1	Đầu tư vào công ty con			500.478.880.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	7.000.000.000	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>95.222.561.326</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>500.478.880.000</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**Các khoản đầu tư tài chính (hợp nhất)**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư dài hạn (*)</b>	-
	<b>Tổng cộng</b>	-

*BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu  
DTT HOLDINGS**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	Lần	11,8	50,9
	Hệ số thanh toán nhanh (= (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn)	Lần	11,8	50,9
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,053	0,01
	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,054	0,01
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân)	Vòng/năm	-	-
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,03	-
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	66,29%	-
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,14%	5,6%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,13%	5,5%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	82,86%	-

*BCTC kiểm toán năm 2019 của DTT Holdings*

**12. Tài sản**

Tài sản chính của Công ty tính ở thời điểm 30/6/2020, tình hình tài sản của Công ty như sau:

**Bảng 23: Tài sản cố định hữu hình/ vô hình của công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>597.777.720.464</b>	<b>521.802.859.841</b>	<b>87,29</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	407.031.797.760	382.705.004.033	94,02
2	Máy móc thiết bị	171.271.105.268	127.452.927.724	74,42

3	Phương tiện, vận tải	19.037.382.353	11.609.673.872	60,98
4	Thiết bị văn phòng	382.435.083	35.254.212	9,22
5	Tài sản khác	55.000.000	-	0%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>40.531.959.500</b>	<b>40.251.350.806</b>	<b>93,31%</b>
1	Quyền sử dụng đất	39.793.500.000	39.793.500.000	100%
2	Phần mềm máy tính	705.512.000	457.850.806	64,90%
3	Tài sản khác	32.947.500	-	0%

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

### Tài sản dở dang

#### Tài sản dở dang (báo cáo riêng)

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Chi phí SXKD dở dang</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Chi phí XD CB dở dang</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*

#### Tài sản dở dang (hợp nhất)

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chỉ tiêu	30/06/2020
<b>I</b>	<b>Chi phí SXKD dở dang</b>	-
<b>II</b>	<b>Chi phí XD CB dở dang</b>	642.720.151.166
	Dự án thủy điện Plei Kần	642.528.179.089
	Dự án thủy điện Khe nét	146.555.713
	Công trình thủy điện Rào trở	45.416.364
	<b>Tổng cộng</b>	<b>642.720.151.166</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2020 của DTT Holdings*



**13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**
**13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2020 – 2021**
**Bảng 24: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2020-2021**
**Tân Phát**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch 2021	
	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2019	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2020
Vốn điều lệ	421.120.440.000	17,45%	1.801.120.440.000	327,70%
Doanh thu thuần	268.796.414.549	83,01%	1.718.899.374.608	539,48%
Lợi nhuận sau thuế	28.448.114.985	6.267,00%	146.381.196.513	414,55%
Tỷ lệ LNST/DTT	10,58%	-	8,52%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	6,76%	-	8,13%	-
Cổ tức	0	0,00%	0	0,00%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tân Phát

**MVC**

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020		Kế hoạch 2021	
	Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2019	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2020
Vốn điều lệ	128.386.900.000	128.386.900.000	-	128.386.900.000	-
Doanh thu thuần	0	44.529.545.940	-	54.748.121.155	22,95%
Lợi nhuận sau thuế	0	4.314.203.107	-	6.348.889.345	47,16%
Tỷ lệ LNST/DTT	-	9,69%	-	11,60%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	-	3,36%	-	4,95%	-
Cổ tức	-	0	-	0	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của MVC

**DTT Holdings**

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019 (năm 2019 có công ty con)	Kế hoạch năm 2020 (Hợp nhất)		Kế hoạch 2021 (Hợp nhất)	
	Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2019	Giá trị (đồng)	% tăng, giảm so với 2020
Vốn điều lệ	6.780.000.000	507.258.870.000	7381,69%	1.887.258.870.000	272,05%
Doanh thu thuần	-	313.325.960.489	-	1.773.647.495.763	466,07%
Lợi nhuận sau thuế	595.074.407	32.762.318.092	5.405,58%	152.845.712.224	366,53%
Tỷ lệ LNST/DTT	-	10,46%	-	8,62%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	8,78	6,46%	-	8,10%	-
Cổ tức	0	0	-	0	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 của DTT Holdings

Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2020, 2021 tăng mạnh là do trong năm 2020 Công ty tăng vốn điều lệ để đầu tư vào Công ty Tấn Phát và MVC. Sau khi tăng vốn hợp nhất hoạt động kinh doanh của 2 công ty con đã làm cho Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế năm 2020; 2021 của DTT Holdings tăng mạnh.

### 13.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Để thực hiện được các mục tiêu như kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã có các chỉ đạo về phương hướng điều hành và hoạt động sản xuất như sau:

#### **Giải pháp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành nhà máy thủy điện:**

Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng – công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.

Thực hiện duy trì bảo dưỡng định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành vào thời gian thích hợp để sẵn sàng cho việc phát điện và giảm thiểu tối đa sự cố xảy ra.

Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện và các quy định trong an toàn điện.

Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung vào việc phân tích, dự báo mức nước để phát điện đạt kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án phát điện trong các trường hợp cụ thể.

Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

**Công tác tài chính:**

Đảm bảo công tác thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ bán điện; trả gốc, lãi vay ngân hàng theo đúng kỳ hạn.

**Công tác quản trị nhân lực:**

Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, người có chuyên môn, có trình độ năng lực, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp; mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý.

Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, linh hoạt. Xem khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

**Các công tác khác:**

Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản điều hành, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho Công ty.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của Hội đồng quản trị.

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường cho cổ đông và công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

**13.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT thông qua**

Công ty đã có chủ trương, kế hoạch và định hướng đầu tư trung dài hạn giai đoạn 2020-2021, chủ trương này đã được HĐQT đề xuất và được chấp thuận.

Tiếp tục duy trì kế hoạch dòng tiền từ doanh thu xây dựng công trình và bán điện thương phẩm từ Công ty CP Tân Phát, kế hoạch doanh thu năm 2020 là 268,8 tỷ đồng, LNST kế hoạch dự kiến đạt 28,4 tỷ đồng, đạt mức tỷ suất lợi nhuận dự kiến của hoạt động này là 10,6% trên doanh thu đạt được.

Đặc biệt bổ sung doanh thu từ điện gió bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2024, bình quân hàng năm hoàn thành đi vào phát điện khoảng 100MW, riêng năm 2024 hoàn thành khoảng 500 MW. Thông tin chi tiết như các số liệu sau:

- Sản lượng bình quân 1MW là: 3,53 triệu kWh/ năm, 100MW sẽ có sản lượng là: 353 triệu kWh/năm.
- Giá bán điện là: 8,5 cent/kWh, tương ứng với 2.002 đồng/kWh theo tỷ giá VND/USD hiện tại là 23.550 đồng/1USD.
- Doanh thu bình quân hàng năm từ việc bán điện gió là 706,6 tỷ đồng cho giai đoạn 2020-2021. Tỷ suất lợi nhuận là 12%.
- Suất đầu tư bình quân là 46 tỷ đồng/MW. Theo đó, tổng mức đầu tư cho 100MW là 4.600 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu tham gia chiếm 30%.

Duy trì khoản doanh thu cho thuê thiết bị năm 2020 là 3,1 tỷ đồng tương tự năm 2019.

Dựa trên những căn cứ nêu ở trên, Công ty tự tin để hướng đến một kết quả khả quan về doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

Tính đến 30/9/2020, theo số liệu kế toán của DTT Holdings thì doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt được lần lượt là 219.328.172.343 đồng và 22.933.622.665 đồng tương ứng với 70 % kế hoạch doanh thu thuần năm 2020 và 70% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020. DTT Holdings tin tưởng có thể hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **Kế hoạch tăng vốn của DTT Holdings/Tân Phát trong năm 2021**

Kế hoạch năm 2021 của Tân Phát, DTT Holdings có tăng vốn để đầu tư thực hiện vào giai đoạn 1 dự án điện gió với công suất 350MW, tổng mức đầu tư là 16.100.000.000.000 đồng. Với các dự án đầu tư này Ngân hàng cho vay vốn tối đa là 75% tổng mức đầu tư của dự án, phần còn lại là vốn tự có của Công ty. Vốn điều lệ của Tân Phát hiện tại là 421.120.440.000 đồng không đủ để đầu tư thực hiện dự án điện gió. Vì vậy, để có vốn thực hiện dự án phát triển kinh doanh Hội đồng quản trị đang có kế hoạch trình Đại Hội đồng cổ đông để tăng vốn điều lệ trong năm 2021 thêm 1.380 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu bằng hình thức tiền mặt.

### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký**

Không có.

### **15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

Sau khi phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy phù hợp với điều kiện chung và thực tế của các năm, Công ty đã đưa ra phương án sản xuất kinh doanh năm 2020, 2021 dự kiến như sau:

#### **Bảng 25: Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 2020-2022**

Kế hoạch hoạt động kinh doanh, lợi nhuận dự kiến 2020-2022

<b>Năm tài chính</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
<i>Ngày kết thúc năm tài chính</i>	<i>31/12/2020</i>	<i>31/12/2021</i>	<i>31/12/2022</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>313.325.960.489</b>	<b>1.773.647.495.763</b>	<b>1.777.551.294.953</b>
Giá vốn hàng bán	234.630.131.853	995.738.092.995	998.371.922.068
Lợi nhuận gộp	78.695.828.636	777.909.402.768	779.179.372.885

Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.455.575.557	97.824.352.873	98.045.856.415
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (EBIT)</b>	<b>61.240.253.080</b>	<b>680.085.049.896</b>	<b>681.133.516.469</b>
Chi phí tài chính	21.365.906.241	490.615.131.952	443.762.360.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21.365.906.241	490.615.131.952	443.762.360.163
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>39.874.346.838</b>	<b>189.469.917.943</b>	<b>237.371.156.307</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	7.112.028.746	36.624.205.720	45.894.578.087
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>32.762.318.092</b>	<b>152.845.712.224</b>	<b>191.476.578.220</b>

*Nguồn: DTT Holdings*

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

Không có.

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị công ty hiện tại có 9 thành viên, trong đó: 4 là thành viên điều hành, 5 thành viên không điều hành và 0 thành viên độc lập.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/không điều hành
1	Nguyễn Ngọc Tường	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	Không điều hành
3	Lê Văn Khoa	Thành viên	Điều hành
4	Nguyễn Văn Quân	Thành viên	Không điều hành
5	Lê Hồ Hoàng Hà	Thành viên	Điều hành
6	Lê Xuân Thanh	Thành viên	Điều hành
7	Phạm Văn Lợi	Thành viên	Điều hành
8	Lê Thị Hoài	Thành viên	Không điều hành
9	Đỗ Thị Bích Huyền	Thành viên	Không điều hành

### SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CỦA CÔNG TY

Ông Nguyễn Ngọc Tường – Chủ tịch HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Ngọc Tường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/10/1973
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND số: 233201729 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 18/01/2011
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 5, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Chức vụ	Đơn vị công tác
--	---------	-----------------



01/2010 -07/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát (Tiền thân là Công ty TNHH Trung Đông)
04/2014 -12/2019	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng Trường Thịnh
08/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tấn Phát
11/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký Công ty đại chúng: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings.

Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tấn Phát.

12. Số cổ phần nắm giữ: 8.007.700 cổ phần, chiếm 15,79 % vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 8.007.700 cổ phần, chiếm 15,79 % vốn điều lệ

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

14. Số lượng sở hữu của người có liên quan: 387.463 cổ phần, tương ứng 0,76%

STT.	Tên cá nhân/tổ chức	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng	Mối quan hệ
1.	Nguyễn Ngọc Trung	387.463 cổ phần, tương ứng 0,76% vốn điều lệ	Em trai

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thành viên HĐQT**

1. Họ tên: Nguyễn Ngọc Trung

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 10/07/1976

4. Nơi sinh: Quảng Ngãi

5. CMND số: 231053799 Nơi cấp: Công an Tỉnh Gia Lai Ngày cấp: 30/12/2010

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 79A Nguyễn Trãi, Phường Thống Nhất, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
01/2010 - 01/2017	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát
02/ 2017 - nay	Phó chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tấn Phát
03/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam
11/2019 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings.

Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tấn Phát.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam.

12. Số cổ phần nắm giữ: 387.463 cổ phần chiếm 0,76% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện Công ty sở hữu: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 387.463 cổ phần – 0,76% vốn điều lệ

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

14. Số lượng sở hữu của người có liên quan: 8.020.052 cổ phần, tương ứng 15,81%

<b>STT.</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1.	Nguyễn Thị Thanh Hà	12.352 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn điều lệ	Vợ
2.	Nguyễn Ngọc Tường	8.007.700 cổ phần, tương ứng 15,79 % vốn điều lệ	Anh trai

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**Ông Lê Văn Khoa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

1. Họ tên: Lê Văn Khoa
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 08/04/1982
4. Nơi sinh: Thanh Hóa
5. CMND số: 233060161 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 24/04/2014
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 87 Nguyễn Huy Lung, Phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Huế
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
02/2006 - 07/2016	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Tấn Phát
08/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát
08/2017 – 12/2019	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh
02/ 2019 - nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Psi 6
06/ 2019 - nay	Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Plei Kân Hạ
03/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam
11/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.  
Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền Trung Việt Nam.
  - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Plei Kân Hạ.
  - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đăk Psi 6.
  - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát.
12. Số cổ phần nắm giữ: 125.513 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ, trong đó:
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 125.513 cổ phần, tương ứng 0,25% vốn điều lệ
13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
14. Số lượng sở hữu của người có liên quan: 50 cổ phần, tương ứng 0.0001%

<b>STT.</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1.	Phạm Thị Kim Thuận	50 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn điều lệ	Vợ

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**Ông Nguyễn Văn Quân – Thành viên HĐQT**

1. Họ tên: Nguyễn Văn Quân
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 06/07/1977
4. Nơi sinh: Hải Dương
5. CMND số: 233167857 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 10/06/2015
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 310 Thi Sách, Tổ 6, Phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán – Đại học Tài chính Kế toán

**10. Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
11/1998 - 03/2001	Kế toán viên	Công ty xây dựng Tổng hợp Kon Tum
04/2001 - 09/2004	Phó phòng kế toán	Công ty xây dựng Tổng hợp Kon Tum
09/2004 - 10/2007	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần xây dựng 79
10/2007 - 11/2014	Tổng giám đốc	Công ty cổ phần thủy điện Đăk Gret
11/2014 - 06/2016	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát
07/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát
11/2019- nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

**11. Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT**

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát.

**12. Số cổ phần nắm giữ: 120.240 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ, trong đó:**

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 120.240 cổ phần – 0,24% vốn điều lệ

**13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không****14. Số lượng sở hữu của người có liên quan: 50 cổ phần, tương ứng 0,0001%**

<b>STT.</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1.	Đỗ Thị Hai	50 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn điều lệ	Vợ

**15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không****16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT****17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không****Ông Lê Hồ Hoàng Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ tên: Lê Hồ Hoàng Hà

2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 16/12/1981
4. Nơi sinh: Đà Nẵng
5. CMND số: 201435984 Nơi cấp: Công an TP. Đà Nẵng Ngày cấp: 02/07/2016
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 22, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Đại học Bách khoa Đà Nẵng
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
05/2011 - 10/2014	Phó phòng kỹ thuật	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An
05/2015 - 07/2017	Phó Ban Quản lý dự án	Công ty TNHH Trung Việt
08/2017 - 07/2018	Giám sát viên	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện Morava
08/2017 - nay	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tấn Phát
11/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát
12. Số cổ phần nắm giữ: 90.827 cổ phần , chiếm 0,18% vốn điều lệ, trong đó:  
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.  
Cá nhân sở hữu: 90.827 cổ phần – 0,18% vốn điều lệ
13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



**Ông Lê Xuân Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ tên: Lê Xuân Thanh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 04/04/1975
4. Nơi sinh: Thanh Hóa
5. CMND số: 233057940 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 18/07/2013
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: Số 176 Lê Hồng Phong, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học kinh tế Đà Nẵng và Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp – Đại học kỹ thuật Đà Nẵng.
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
10/1998 - 12/1999	Cán bộ phòng thẩm định nguồn vốn	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Kon Tum
01/2000 - 06/2006	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Kon Tum
07/2006 - 07/2008	Phó phòng tín dụng	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Kon Tum
08/2008 - 08/2011	Giám đốc phòng giao dịch	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Kon Tum
09/2011 - 10/2017	Phó phòng tổ chức hành chính	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Kon Tum
06/2018 - 10/2019	Trưởng ban Tài chính – Dự án Văn phòng Đực Long Gia Lại tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tập đoàn Đực Long Gia Lại
11/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

12. Số cổ phần nắm giữ: 12.352 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 12.352 cổ phần – 0,02% vốn điều lệ
- 13. Các cam kết năm giữ (nếu có): Không
- 14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
- 15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- 16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- 17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**Ông Phạm Văn Lợi – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: Phạm Văn Lợi
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 19/07/1978
4. Nơi sinh: Ninh Bình
5. CMND số: 03707802705 Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp Ngày cấp: 13/02/2019
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xóm Thượng, Xã Khánh Lợi, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính – Kế Toán – Đại học Kinh tế
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
01/2000 - 05/2011	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Trưởng Ban Kế toán
06/2011 – 04/2014	Công ty Cổ phần Sông Đà Ialy	Kế toán trưởng
05/ 2015 - 11/2016	Công ty Cổ phần Sông Đà Ialy	Trưởng phòng kinh doanh
12/2016 - 05/2019	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Kế toán trưởng
06/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Phó Tổng giám đốc
11/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:  
Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát
- 12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 90.827 cổ phần – 0,18% vốn điều lệ, trong đó:
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu cá nhân: 90.827 cổ phần – 0,18% vốn điều lệ
- 13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- 14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
- 15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- 16. Thù lao và lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT
- 17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**Bà Lê Thị Hoài – Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Lê Thị Hoài
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 05/11/1991
4. Nơi sinh: Nghệ An
5. CMND số: 186969173 Nơi cấp: Công an Tỉnh Nghệ An Ngày cấp: 23/07/2018
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Thủy Khê, xã Chi Khê, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Huế
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
05/2014 - 12/2016	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Nhân viên phòng pháp chế
01/2017 - 12/2019	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Phó Phòng pháp chế
01/2020 - nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Trưởng phòng pháp chế
11/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng pháp chế Công ty Cổ phần Tấn Phát

12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 30.823 cổ phần – 0,06% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 30.823 cổ phần – 0,06% vốn điều lệ

13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

14. Số lượng sở hữu của người có liên quan: 30.823 cổ phần, tương ứng 0,06%

<b>STT.</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1.	Hà Văn Sơn	30.823 cổ phần, tương ứng 0,06% vốn điều lệ	Chồng

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Lợi ích và thù lao liên quan đối với Công ty: Thù lao HĐQT

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

#### **Bà Đỗ Thị Bích Huyền – Thành viên HĐQT**

1. Họ và tên: Đỗ Thị Bích Huyền
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 02/01/1979
4. Nơi sinh: Gia Lai
5. CMND số: 233195415 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 05/08/2010
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính – Kế toán – Đại học Kinh tế Đà Nẵng
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
04/2001-08/2008	Đội công trình giao thông Huyện Đăk Pơ – Gia Lai	Kế toán trưởng
10/2009-12/2012	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Kế toán trưởng
01/2013-04/2015	Công ty TNHH Dương Châu	Kế toán trưởng

05/2015-12/2018	Công ty TNHH Trung Việt	Kế toán trưởng
12/2019- nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Trưởng Ban tài chính
11/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: thành viên HĐQT
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban tài chính Công ty Cổ phần Tấn Phát
12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 69.294 cổ phần – 0,14% vốn điều lệ, trong đó:
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu cá nhân: 69.294 cổ phần – 0,14% vốn điều lệ
13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có
14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16. Lợi ích và thù lao nhận được từ Công ty: Thù lao HĐQT
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

## **2. Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát hiện có 3 thành viên:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Phan Duy Phước	Trưởng Ban
2	Đỗ Đăng Dur	Thành viên
3	Dương Thị Kim Cúc	Thành viên

### **SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT**

#### **Ông Phan Duy Phước – Trưởng Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Phan Duy Phước
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 06/06/1979
4. Nơi sinh: Tam Phước, Phú Ninh, Quảng Nam
5. CMND số: 201640338 cấp ngày 12/01/2017 nơi cấp công an Đà Nẵng
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh

8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 11, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Đại học kinh tế, Kiểm toán viên
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
7/2001 - 9/2007	Công ty CP Gạch men Cosevco	Kế toán
10/2007 - 6/2009	Công ty Kiểm toán & Kế toán AAC	Trợ lý Kiểm toán viên
07/2009 - 05/2012	Công ty Kiểm toán & Kế toán AAC	Kiểm toán viên
06/2012 - nay	Cty TNHH Kiểm toán Mỹ	Kiểm toán viên
11/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Trưởng Ban Kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên Cty TNHH Kiểm toán Mỹ
12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ, trong đó:
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0 % vốn điều lệ
13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có
14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16. Thù lao và lợi ích nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**Ông Đỗ Đăng Dư – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Đỗ Đăng Dư
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 06/06/1991
4. Nơi sinh: Kon Tum
5. CMND số: 233132872 cấp ngày 30/06/2011 nơi cấp công an Kon Tum
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 5, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.



9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Quang Trung

10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
06/2012 - 10/2015	Ngân hàng Mê Kông	Nhân viên
10/2015 – 12/2016	Ngân hàng Quân đội	Nhân viên
04/2017 - nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Nhân viên
11/2019 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên Công ty Cổ phần Tấn Phát

12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0 % vốn điều lệ

13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có

14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

#### **Bà Dương Thị Kim Cúc – Thành viên Ban kiểm soát**

1. Họ và tên: Dương Thị Kim Cúc

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 13/08/1992

4. Nơi sinh: Vĩnh Phúc

5. CMND số: 026192001387 cấp ngày 03/01/2017 nơi cấp Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: TDP Trại Giao, phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Công Đoàn

10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
11/2014 – 05/2015	Công ty TNHH Tư vấn Việt Phú	Nhân viên tư vấn
06/2015 – 12/2015	Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội	Nhân viên
01/2016 – 02/2018	Công ty Luật TNHH Việt Phú	Chuyên viên tư vấn
08/2019 - nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Nhân viên pháp chế
11/2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên pháp chế Công ty Cổ phần Tấn Phát

12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: : 50 cổ phần – 0,0001 % vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 50 cổ phần – 0,0001 % vốn điều lệ

13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có

14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

16. Thù lao và lợi ích nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### **3. Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

#### **Ban Tổng giám đốc**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Lê Văn Khoa	Tổng giám đốc
2	Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Hồ Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Nữ Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Thị Thu Phương	Kế toán trưởng

**SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY****Ông Lê Văn Khoa – Tổng giám đốc**

- Đã trình bày, vui lòng xem ở phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Phạm Văn Lợi – Phó Tổng giám đốc**

- Đã trình bày, vui lòng xem ở phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Lê Xuân Thanh – Phó Tổng giám đốc**

- Đã trình bày, vui lòng xem ở phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Lê Hồ Hoàng Hà – Phó Tổng giám đốc**

- Đã trình bày, vui lòng xem ở phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

**Bà Phạm Nữ Thu Thủy – Phó Tổng giám đốc**

1. Họ và tên: Phạm Nữ Thu Thủy
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 06/10/1980
4. Nơi sinh: Gia Lai
5. CMND số: 230561185 Nơi cấp: Công an Tỉnh Gia Lai Ngày cấp: 03/07/2015
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 72/1 Nguyễn Thái Bình, Phường Ia Kring, thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
9. Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư – Đại học Kiến trúc Hà Nội
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
11/2010 – 10/2017	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Trưởng Ban Quản lý dự án
11/2017 - nay	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Trưởng phòng Bảo hiểm
11-2019 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó TGD công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Bảo hiểm Công ty Cổ phần Tấn Phát

12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 49.294 cổ phần – 0,1% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu cá nhân: 49.294 cổ phần – 0.1% vốn điều lệ.
13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có
14. Danh sách người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Phương
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 16/05/1987
4. Nơi sinh: Kon Tum
5. CMND số: 233364152 Nơi cấp: Công an Tỉnh Kon Tum Ngày cấp: 21/06/2019
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 29/6 Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – Cao đẳng Tài chính Hải Quan
10. Quá trình công tác:

<b>Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
08/2009 - 12/2015	Công ty Cổ phần Tấn Phát	Phụ trách kế toán
01/2016 - 09/2017	Công ty TNHH Trung Việt	Phụ trách kế toán
04/2018 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đại Trường Thành Holdings	Kế toán trưởng

11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Tổng số số cổ phần nắm giữ: 49.294 cổ phần – 0,1% vốn điều lệ, trong đó:
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu cá nhân: 49.294 cổ phần – 0,1% vốn điều lệ
13. Các cam kết nắm giữ nếu có: Không có

14. Số lượng sở hữu người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16. Lợi ích và thu lao nhận được từ Công ty: Thù lao Kế toán trưởng
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

#### **4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty**

Công ty đã thực hiện xây dựng bộ máy quản trị đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn tại Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ của Công ty được xây dựng theo Điều lệ mẫu được quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty cam kết sẽ xây dựng quy chế quản trị nội bộ theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành và các văn bản dưới luật hướng dẫn, trong đó quy định rõ chức năng, thành phần, quyền lợi của HĐQT, Ban TGD, BKS...;

Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực trong việc điều hành các hoạt động của Công ty, để có những thành công nhất định, toàn thể CBCNV phải phấn đấu để đạt được kế hoạch đã đề ra, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT chỉ đạo.

Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính sẽ được củng cố. Việc tuân thủ các quy trình tài chính kế toán sẽ được giám sát chặt chẽ để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và theo chuẩn thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, công tác quản trị nhân sự cũng sẽ được tăng cường để đáp ứng sự phát triển lớn mạnh không ngừng của Công ty. Hoàn thiện khung đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, trong đó có tiêu chí đánh giá sự chủ động sáng tạo trong giải quyết công việc, tinh thần tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc của cá nhân. Đồng thời có cơ chế rõ ràng về việc chia sẻ thông tin, phối hợp trong tác nghiệp giữa các cá nhân và bộ phận để hoàn thành nhiệm vụ.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG**

### **ĐẠI TRƯỞNG THÀNH HOLDINGS**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ VĂN KHOA**